TRI TÂN

TẠP CHÍ VĂN HOÁ

RA HÀNG TUẦN

Tòa báo và nhà in : 70, phố Bạch-Mai
Ty trị-sự : 195, phố Hàng Bông — Hanoi

TRONG SỐ NÀY :

* Người Nam cần phải viết đúng tiếng nam — *Hoa-Bằng*
* Hoa-tiên-truyện (I) — *Đàc-duy-Anh*
* Vết tích thành Đại-la (II) — *Ứng-Hòe*
* Bá-đa-Lộc và Hoàng-tử Cảnh (III) — *Nguyễn-Triệu*
* Một quyển sách mới về Mặc-tử — *Nguyễn-văn-Tố*
* Nguyễn - Hoàng (một đoạn kịch bằng thơ) — *Phan-khắc-Khoan*
* Kimiko (Hết) — *Khái-Sinh*
* Tra nghĩa chữ nho (XXVII) — *Ứng-Hòe*
* Cách xếp đặt chữ nho trong tự-điển (IX) — *Đào-trọng-Đủ*
* Tòa nhà trưng bày của trường Bác-cổ ở Hội-chợ Saigon năm 1942-1943 (Hết) — *Trần-huy-Bá*
* Giai thoại trong làng văn — *Nguyễn-đan-Tâm*
* Công-việc truyền-bá vệ-sinh. . .
* Orchies, thành phố được tỉnh Hà-nội đỡ đầu
* Đêm hội Long-trì (Tiểu thuyết, IX) — *Nguyễn-huy-Tưởng*

Năm thứ ba — **Số 86**
Thứ năm, 11 Mars 1943

0$20

GÓP CHÚT KIẾN-GIẢI VÀO TỪ-NGỮ HỌC

NGƯỜI NAM CẦN PHẢI VIẾT ĐÚNG TIẾNG NAM

HOA-BẰNG

TIẾNG nam ngày nay đương ở thời-kỳ rèn luyện, bổn-phận buộc chúng ta không được viết cẩu-thả, làm cho « mất nếp », rồi dắt những người sau ta đây lại đi theo vết lầm ấy.

Sở dĩ tôi nói đến vấn-đề này, là vì thấy trong một tập thơ vừa mới xuất bản đây, « thi-nhân » có dùng lầm chữ như trong câu này :

Phong trần hầu nhụt trí lao lung.

Theo thiển kiến thì chẳng tác-giả câu thơ ấy muốn nói : vì từng-trải những bước phong-trần giảy-giụa, nên cái chí (nếu viết *tr* thì là *trí-khôn*) lỗi-lạc của nam-nhi gần phải cùn nhụt mất rồi !

Nếu vậy thì người viết câu ấy đã hiểu lầm hai chữ « lao lung ».

Cứ nghĩa đen từng chữ thì *lao* (牢) là *cũi*, *lung* (籠) là *lồng*. Dùng ra nghĩa bóng là *giam-cầm ràng buộc*. Nên người ta thường nói : « Anh X. bị lợi-lộc *lao-lung*, tiêu-mòn hết cả chí-khí » ! Vậy *lao-lung* đồng nghĩa với *lung-lạc*, nhưng khác hẳn với *lỗi lạc*.

Cái nạn dùng lầm chữ ấy không phải riêng một tác-giả câu thơ kia đâu, tôi thấy nhan-nhản trên mặt sách báo quốc-văn hiện-đại. Viết một bài thời-bình, hoặc một đầu đề thời-sự, nhiều khi mình ta đã dùng lầm tiếng « không [illegible]h đang » :

« Ông ấy đến phải *thúc thủ bó tay* chăng » (*đã thúc thủ* lại còn *bó tay*).

« Nước z đã đề-phòng cẩn *tắc* » (chỉ có thể nói là *cẩn-mật* hay *cẩn thận*. Còn tục thường nói « cẩn *tắc* (*tắc* là *thì*) vô ưu » nghĩa là cẩn-thận thì không có sự lo-ngại).

Người ta thường lầm *nhược điểm* (弱點 point faible) là *yếu điểm* (要點 point nécessaire), *khoái-trá* (膾炙 nghĩa đen là gỏi chả, nghĩa bóng là ngon miệng, sướng miệng) là *khoái lạc* (快樂: vui sướng), vân vân.

Chẳng những vậy, nhiều người lại hay lầm mấy chữ chuyên-danh-từ này :

Tiêm-la 暹羅 nguyên là quốc hiệu cũ của nước Thái-lan. Từ khi người Âu-tây kêu nước ấy là Siam, nên trong việt-ngữ mới xuất hiện tiếng « Xiêm » như ta thường thấy. Vậy, dùng tiếng kép mà nói hay viết là « Xiêm la », thì thật lầm, vì đó là nửa tây, nửa tàu : một tiếng « hồ-lốn » !

Muốn cho đúng, tưởng ta cần phải công nhận cái lệ này :

Khi dùng tiếng đơn, có thể nói hay viết là *Xiêm* hoặc *Tiêm* được, nhưng khi dùng tiếng kép, tất phải kêu là « Tiêm la », vì cả hai đều là chữ hán viết. Thế mới thuần-túy.

Côn-lôn, tên một hòn đảo thuộc Đông-dương, chữ nho viết là 崑崙, người Pháp kêu là Poulo-Condor.

Vậy sao nhiều người cứ lầm *l* với *n* mà viết là Cô-nôn thế ?

Sở dĩ có nạn dùng quấy viết trật như thế là vì người ta hoặc không hiểu rõ chữ nho mà hay dùng bậy, hoặc cẩu-thả không tra lại mà cứ theo mù. Kể sơ những « lỗi » ấy ra đây, tôi chỉ mượn làm ví-dụ, chứ quả không hề có ác ý gì cả.

Vậy, đối với những tiếng sai lầm ấy, ta nên xử trí thế nào ?

Cần phải sửa ngay cho đúng, đừng để lâu ngày thành quen rồi không chữa lại được nữa.

Còn những tiếng nào đã thông-dụng, được đại-chúng làm cho việt-hóa rồi thì ta phải công nhận và cũng cứ dùng, miễn ta phải hiểu chúng nó theo hai nghĩa : một là nguyên nghĩa, hai là biến nghĩa.

Cử lệ : *Tử-tế* 仔細 nghĩa chữ nho là « xét lét một cách tinh-tường tỉ-mỷ » như nghĩa trong hai câu thơ này :

Thế lộ phong ba tử-tử am.

(Đường đời nhiều nỗi phong ba, đã am hiểu một cách kỹ-càng).

Và :

Báo đạo thi-ông tử-tế ngâm.

(Nhắn-nhủ thi-ông nên ngâm đọc một cách kỹ-lưỡng).

Còn nghĩa thường dùng trong tiếng ta bây giờ thì là : cư-xử tốt và trung-hậu với người khác.

Lịch-sự 歷事 nghĩa chữ nho là từng-trải mọi việc, sau theo nghĩa

(*Xem tiếp trang 17*)

HOA-TIÊN TRUYỆN(1)

ĐÀO-DUY-ANH

TRONG năm, ông Triệu-Khanh Hồ-Đắc-Bích cho tôi mượn xem quyển *Tịnh tĩnh trai đệ bát tài tử thư Hoa-tiên-ký* 靜淨齋第八才子書花箋記 là một ca-bản ở Trung-hoa mà nhà văn-hào nước ta ở cuối đời Lê là Nguyễn-Huy-Tự đã đem diễn ra quốc-âm thành sách *Hoa-tiên-ký* mà ta thường gọi là *Hoa-tiên-truyện*. Tôi xem xong quyển ấy liền định nhân nhịp nghỉ Tết này thì về làng Trường-lưu, huyện Can-lộc, tỉnh Hà-tĩnh là quê hương Nguyễn-Huy-Tự để tìm kiếm một ít tài liệu về ông. Ngày 27 tháng chạp, tức là 1er Février 1943, tôi đến thăm một người tai mắt trong họ Nguyễn-Huy, là ông Nguyễn-Huy-Cừ, được chủ nhân ân cần đem cho xem tất cả những giấy má sách vở về các vị tiền-nhân họ ông, và phàn nàn rằng năm kia tôi có hẹn đến mà bỗng gặp trở ngại không đến được, nên trong khi chờ tôi thì ông đã đem nhiều tài liệu cho người khác mượn rồi. Tôi nói rằng các di-tác của quan Thám-hoa Nguyễn-Huy-Oánh thì tôi đã biên chép được gần đủ rồi, tôi chỉ cầu được xem những giấy má sách vở về tác-giả Hoa-tiên-ký, nếu ông chưa cho mượn hết. May sao, sau khi lục soạn trong tủ một hồi lâu, ông đưa ra cho tôi một chồng sách cũ, trong ấy tôi lựa được một quyển gia-phả đề là *Phượng-dương thế-phổ* 鳳陽世譜, do Nguyễn-Huy-Oánh vựng biên và Nguyễn-Huy-Tự tục soạn; một quyển đề là *Nguyễn thị gia tàng* chép hành trạng các danh-nhân trong họ Nguyễn-Huy; một quyển đề là *Lai-thạch xã khoa-danh-ký* chép tên và lý-lịch những người khoa mục trong bản xã, do Nguyễn-Huy-Oánh soạn và chính tay Nguyễn-Huy-Tự viết; một quyển *Hoa-tiên-ký* bằng chữ nôm, ông Nguyễn-Huy-Cừ nói rằng do ông sao lại ở một bản gốc hiện nay đã hư nát và mất tích. Tôi ngờ rằng bản này là nguyên-tác của Nguyễn-Huy-Tự, chưa trải qua Nguyễn-Thiện nhuận sắc.

Những sách ấy, ông Nguyễn-Huy-Cừ đã vui lòng cho tôi mượn, những tài liệu tôi trình bày hôm nay là rút ở các sách ấy cùng quyển Hoa-tiên-ký chữ hán nói trên kia.

Quê quán và dòng họ Nguyễn Huy Tự

Nguyễn-Huy-Tự, tác-giả Hoa-tiên-ký, quê ở làng Trường-lưu, xã Lai-thạch, tổng Lai-thạch, huyện La-sơn (nay thuộc huyện Can-lộc) tỉnh Hà-tĩnh. Miền này, như miền Nghi-xuân là quê-quán tác-giả Đoạn-trường tân-thanh, cũng thuộc vào cảnh giới Lam-giang Hồng-lĩnh. Từ thành Vinh, đi theo đường thuộc-địa số 8 sang Lào, qua Lam-giang ở bến đò Rum, rồi qua đò Hào, lại qua đường đê Linh-cam, đến chỗ cách Vinh 19 cây số thì trẽ ra đường hàng tỉnh, về phía trái tới phía phủ Đức-thọ, đi chừng 5 cây số rồi lại trẽ sang đường hàng tổng về phía tả, tức là về phía Hồng-lĩnh, đi chừng 5 cây số nữa là đến làng Trường-lưu hay là Chợ Quan. Từ đó qua sông Nghèn sang Hồng-lĩnh, hoặc theo sông Nghèn ra Lam-giang rất là thuận-tiện.

Trước khi tới Trường lưu, cách chừng 1 cây số, ta đi qua làng Vĩnh-gia, tức là Chợ Tổng, là quê-hương của quan Thám-hoa Phan-Kinh. Ở về phía tây-bắc, cách chừng 1 cây số là làng Nguyệt-ao, quê-hương của Nguyễn-Thiếp, tức Lục-niên phu-tử. Ở quanh vùng ấy, xưa nay vẫn sản sinh nhiều người nổi danh về khoa-hoạn hay nghĩa-liệt. Riêng làng Trường-lưu, sách Khoa-danh-ký đã chép đến 83 tên nội trong khoảng từ niên-hiệu Hồng-đức đến niên-hiệu Cảnh-hưng, mà trong số ấy họ Nguyễn-Huy đã có đến 30 người rồi. Trong miền ấy làng Trường-lưu là làng nhiều khoa-hoạn nhất mà trong làng ấy họ Nguyễn-Huy lại là họ vinh hiển nhất.

Non sông vốn có quan hệ với nhân tài. Trong bài nói về quê quán Nguyễn-Du, tôi đã nói vì lẽ gì mà đất Nghệ-Tĩnh, nhất là miền Hồng-Lam, hay sản xuất nhân-t[illegible] lỗi-lạc. Người xưa cũng nhận [illegible] sự thực ấy, nhưng lại giải th[illegible] theo thuật phong thủy. Vì sao là[illegible] Trường-lưu lại sản-xuất nhiều nh[illegible] tài như thế, Nguyễn-Huy-Oán[illegible] trong bài tựa sách *Lai-thạch x[illegible]*

khoa danh ký nói rằng : « Xã ta, núi Hoàng-cái nổi rồng, Tiên-kiều dẫn mạch ; Nga-khê dựng bút trạng-nguyên, nhìn qua thấy rõ ; Hồng-lĩnh mở cờ tể-tướng, trông thấy tỏ tường ».

Tỵ-tổ họ Nguyễn là Nguyễn-Uyên-Hầu, 阮淵厚 vào khoảng Lê Hồng-đức, đậu Ngũ-Kinh bác-sĩ ; đến cửu thế-tổ của Nguyễn-Huy-Tự là Nguyễn-Hàm-Hằng 阮咸恒 thì 15 tuổi đã trúng hương thí. Các đời sau, đời nào trong họ cũng có người thi đậu và làm quan. Đến tổ ba đời của Huy-Tự là Huy-Tựu 輝僦, đậu hương-giải, làm quan đến chức Tham-chính xứ Thái-nguyên, phong tặng Công-bộ Thượng-thư ; thân-phụ là Nguyễn-Huy-Oánh, đậu Thám-hoa, làm quan đến chức Hộ-bộ Thượng-thư, có từng đi sứ Trung hoa. Khi trẻ, Huy-Oánh có tiếng thần đồng, đọc sách rất nhiều. Dạy học trò thường có đến mấy nghìn người, mà thi đậu làm quan đồng triều có đến mấy chục người. Trước tác thì có : *Ngũ kinh toản yếu* 五經纂要 *Tứ thư toản yếu* 四書纂要 *Tính lý toản yếu* 性理纂要, *Quốc-sử toản yếu* 國史纂要, *Phụng sứ tổng ca* 奉使總歌, *Tiêu-tương bách vịnh* 瀟湘百詠, *Trung-hoa sứ trình đồ* 中華使程圖, cùng là những bài ngâm vịnh lặt vặt họp lại thành tập *Thạc đình di cảo* 碩亭遺稿.

Chú Huy-Tự là Huy-Quỳnh 輝 đậu Tiến-sĩ, làm quan đến c Đốc-thị đạo Quảng-Thuận ; ý học trò có đến nghìn người, ành tài rất đông ; trước tác thì Dần-phong thi sao văn sao 寅峯詩抄文抄, Tây-hưng-đạo sử-tập, 西興道史集, Quảng-Thuận-đạo sử tập 廣順道史集, cùng nổi tiếng văn học với anh là Nguyễn-Huy-Oánh.

Nguyễn-Huy-Tự, tác-giả Hoa-tiên-ký, là con trưởng Nguyễn-Huy-Oánh. Tôi xin dịch cả bài hành-trạng chép trong tập *Nguyễn thị gia tàng* như sau này :

« Tiên-công tên là Huy-Tự 輝似 tên tự là Hữu-chi 有之 hiệu là Uẩn-trai 韞齋, tên nữa là Yên 僞, con trưởng quan Thám-hoa. Mẹ là chính phu-nhân họ Nguyễn. Ông sinh ngày ất-vị, tháng 7, năm Quí-hợi, hiệu Cảnh-hưng năm thứ tư (tức là 1743). Khi nhỏ, đọc sách, nhớ giỏi hơn người, làm văn thì nhã điển có phép tắc. Năm kỷ mão (1759) 17 tuổi, đậu hương-thí thứ 5, được bổ Thị-nội văn-chức tùy giảng (bấy giờ Nguyễn-Huy-Oánh làm Nhập-thị nội-giảng ở phủ chúa, kiêm chức Tư-nghiệp Quốc-tử-giám, Huy-Tự mới đậu được bổ tùy-giảng) (2), kế được bổ Binh-phiên câu-kê trong phủ chúa Lượng-vương. Năm Nhâm-ngọ (1762), thi ngự-đề liên trúng nhiều lần. Năm Đinh-hợi (1767) chịu chức Hồng-lô tự-thừa. Năm Mậu-tý (1768) được bổ Tri-phủ Quốc-oai. Năm Canh-dần (1770), lấy tư cách liên trúng tam trường thi Hội, được thang lên Hiến sát phó-sứ xứ Sơn-nam. Năm Giáp-ngọ (1774) lại đổi sang chức Quản-binh, lịch quản các đội Bạt-hữu, Ưu-tiền, Trung-mã, Hữu-nội, Kềnh-hữu. Năm Mậu-tuất (1778), được sai đi trấn-thủ xứ Hưng-hóa, thường đem các hiệu quan quân đi giữ đồn Bách-lãm, chiêu dụ bọn giặc-giã Tuyên-quang mấy chục quân về đầu hàng. Năm Kỷ-hợi (1779), 36 tuổi, được đặc-ban Tiến-Triều ứng-vụ — lệ được ngang với Tiến-sĩ — được sai đi hiệp-lý lương hướng các đạo Sơn Hưng Tuyên, cùng đem các quân Súng nhất và Súng-hữu để giữ lương-trường. Tiếp đó được chức Hàn-lâm-viện hiệu-thảo, rồi được phái đi làm Đốc-đồng xứ Hưng-hóa kiêm chức Hiệp-đồng bản đạo quản các hiệu binh Thị-hậu, Thị-nội, Hữu-cơ để tiễu-trừ giặc-giã ở Tuyên-quang. Bấy giờ nhạc-phụ là quan Thái-bảo thống lĩnh đạo Tuyên-Hưng, phụ-thân là quan Thám-hoa làm Tán-lý quân-cơ, do đạo Tuyên-quang tiến lên ; ông cùng quan Đốc-lĩnh là Điền-nhạc-hầu (Nguyễn-Điều 阮條 là chú vợ ông) đem quan quân các cơ hiệu do đường Hưng-hóa tiến đánh. Ông nhân khiến một chi binh mượn đường nội-địa tiến phá đồn Cốc-thọ-thiện, bèn thẳng đánh cửa Đô-long (tức là Tự-long) để chiêu phục đồng xưởng (mỏ đồng), vỗ an thổ dân, đem đại quân tiến đến Hà-dương thời gởi tờ về tâu việc thắng trận, được thưởng hai cái ngân-hài hạng lớn. Quan Tổng-đốc tỉnh Quảng-tây Bắc-triều sai người đến khao thưởng, tặng ông bốn chữ lớn : *Vũ Khố Hùng Lược* 武庫雄略, và đôi câu đối rằng : « *Lăng vân ngọc thụ tư tàng vũ* 凌雲玉樹滋新雨 ; *Hội nhật lân đài chấn cổ phong* 繪日麟臺振古風 đều viết vào lụa vàng. Khải hoàn, được thăng làm Kiêm-đốc-đồng các xứ Sơn-tây, Hưng-hóa. Bấy giờ văn thư chồng chất, giặc-giã gay-go, ông vẫn xử trí đầy đủ. Ông ở trấn một năm, tội nhỏ tức thì giải-quyết không hề cầm tù ; đãi phiên thần thì lấy lễ ; phàm phong tục nơi biên chấn, âm tự của thổ tù, không cái gì là

không hiểu suốt chu tất, cho nên các phiên trấn phục giáo hóa mà sợ uy quyền. Việc chính trị thì khoan thứ, chỉ vụ không phiền nhiễu. Ông thường nói rằng : Ta học mọn tài hèn, may được làm quan hai trấn, lại còn cầu gì nữa? Chỉ cốt sao cho trăm họ được no đủ thôi. Năm Tân-sửu (1781), có khoa thi Hội, được khâm-sai làm Giám-đằng kiêm ấn-quyền. Năm Nhâm-dần (1782) cải bổ làm Thanh-hình Hiến-sát-sứ các xứ Sơn-tây. Bấy giờ pháp độ không thi hành, bọn hạ lại làm gian-lạm, ông đến nơi, lựa trị một người phạm pháp, cả nha bèn trở lại nghiêm túc. Thấy các quan khác được thung dung, người nhà lấy làm tức giận, ông thường phải trừng giới riết. Có kẻ bị dân kêu kiện, thì tuy thân thích cũng không dung thứ. Có kẻ lão lại nói với người ta rằng : « Tôi giữ sổ sách đã 30 nam, tiếp trưởng-quan cũng nhiều, mà chưa bao giờ phải lo sợ. Đối với ngài thì nhiều khi tôi đến phải toát mồ hôi ». Năm Quí-mão (1783) ông được cải bổ Đốc-đồng xứ Sơn-tây, được ân thang Hàn-lâm-viện hiệu-lý. Không bao lâu thì có tang nhạc mẫu, phải trở về làng. Bấy giờ quân sĩ kiêu-tứ (loạn Kiêu-binh), Triều-đình lắm việc mà thân phụ là quan Thám-hoa đã về hưu trước 5 năm, ở nhà dạy học trò, mở nhà lục đã để du vịnh, ông bèn lưu lại ở nhà để hầu-hạ, không ra làm quan nữa. Thơ làm bấy giờ có câu : « Khách tứ dĩ phi cường nỗ mạt 客思已非強弩末, Hoạn tình tăng phú đại dao đầu 宦情曾賦大刀頭. Ông lại giỏi quốc-âm, đương thời trước thuật rất nhiều, có *Hoa tiên truyện* (3) hành thế. Năm Canh-tuất (1790) bị triều Tây-sơn đòi vào Phú-xuân, ngày 27 tháng 7 thì bị bệnh mất, bây giờ 48 tuổi, được qui táng ở làng quê, tên thụy là Thông-mẫn 聰敏.

Từ sau cuộc binh loạn năm Bính-ngọ (1786) ông thác ý điền viên. Phàm những người bị triều Tây-sơn vời mà trốn tránh, mấy nam sau đều bị lụy. Khi triều Tây-sơn muốn dùng ông thì ông nói với người ta rằng : « Tôi được chết là đủ rồi ». Thi hài qui táng ở rú Bụt-sơn 寺山 tại Liên-hoa-trường 蓮花場.

Ông lấy vợ là Nguyễn-thị (Bành), con gái đầu của quan Thai-bảo Toản-quận-công, Tham-tụng công-thần, Lại-bộ thượng-thư làng Tiên-điền, huyện Nghi-xuân (tức là Nguyễn-Khản 阮侃, anh cả Nguyễn-Du 阮攸), mất trước ông 18 nam, tặng Liệt phu-nhân. Kế mẫu nay là em ruột của phu-nhân (tên là Nguyễn thị Đài). Lúc qui táng ông, một mình kế mẫu lo việc tang ma, thường làm thơ quốc âm để kiến chí. Ông sinh con trai 9 người, con gái 4 người...

Ông bác thiệp cổ kim, lại giỏi thuật số, cho đến những loài thư, họa, quốc-âm, thanh luật, kỹ-nghệ, không môn gì là không tinh tuyệt. Khảm hoài tiêu sái, khí cục hiên ngang, mà những lúc chuyện trò bàn bạc thì mãn tọa không ai không lắng tai nghe. Tính ông khoan hậu hòa nhã, trong họ hàng thì xem anh em họ không khác gì anh em ruột. Giao thiệp với người tất hết thanh tâm, cho nên được người ta vui mến. Chính trị thì gian tiện, cẩn-thận, nhân thứ, mà rất tinh việc lại, duy lấy yêu dân làm chủ. Ông thạo binh pháp, trị quân khoan hòa mà có quy chế, thường đem binh đánh đạo Tuyên-Hưng, quân lính kẻ nào có bệnh tật thì tự mình xem sóc thuốc thang cháo nước, phủ dưỡng chu đáo, đến lúc họ được về thì quân lính cao lang còn dắn nhau đến bái chào...

(Còn nữa)

ĐÀO-DUY-ANH

1) *Bài trần thuyết ở BAN NGHIÊN CỨU của HỘI QUẢNG TRI HUẾ, tối ngày 17 Février 1943.*

2) *Lời chú của dịch giả.*

3) *Tôi không hiểu ông Hoàng-xuân-Hãn (trong bài nguồn gốc văn Kiều dẫn ở sau) xem bản hành trạng nào mà lại nói rằng trong ấy không nói đến truyện Hoa-tiên. Bản hành trạng tôi tìm được, do Nguyễn huy Vinh viết, có nói đến truyện Hoa tiên rõ ràng. Trái lại bản LAI-THẠCH-XÁ KHOA DANH KÝ, Nguyễn-huy-Oánh soạn, Nguyễn huy Tự tục soạn (tôi không thấy có quyển LAI THẠCH TẠ KHOA KÝ như ông Hãn đã nói) thì không nói đến truyện Hoa-tiên ; còn TÂY HƯNG ĐẠO SỬ TẬP và THUẬN QUẢNG ĐẠO SỬ TẬP theo sách KHOA DANH KÝ là của Nguyễn-huy Quỳnh là chú, chứ không phải của Nguyễn huy Tự.*

Giá báo

Mỗi số	0$20
1 nam	8 50
6 tháng	4 50
3 tháng	2 35

Công sở giá gấp đôi

Mua báo xin giả tiền trước.

Công-cuộc xã-hội nào lớn lao mà lại còn ý nghĩa nhất hiện thời ? — Công-cuộc bài trừ nạn thất-học cho dân nghèo. Thế chính đó là mục đích của hội *Truyền Bá Quốc Ngữ* đang gắng công thực đuổi.

VẾT TÍCH THÀNH ĐẠI-LA

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

(Bài nối)

TRƯỜNG Bác-cổ mua được ở vùng Quần ngựa một viên gạch trong có khắc ba chữ Lê-thị-Yến, mất đi mấy chữ đến chữ « mai ba » là hoa mai, lại mất mấy chữ đến chữ « thảo » là cỏ, lại mất một quãng nữa đến chữ « nhất-thập-ngũ quán », nghĩa là 15 quan tiền. Viên gạch này có vẻ là cái bia của một người đàn bà tên là Lê-thị-Yến, hiệu Mai-ba, mua hậu ở đình hay chùa nào, đặt hậu 15 quan tiền.

Có viên gạch trên khắc hai chữ « Thọ-phái », dưới hai hàng chữ nhỏ, một bên bốn chữ « Phi-y, Đông-a », một bên bốn chữ « Phúc Tử chi mộ », ở dưới lại bốn chữ to « tịnh tiễn vô cùng ». Viên gạch này là một cái mộ-chí của hai ông bà nào hợp táng. Hai chữ Thọ-phái có thể đoán là họ này chia ra phái Thọ, phái Phú, phái Quí, v. v., mỗi phái dùng một chữ : hai ông bà này ở vào phái Thọ. Chữ « Phi-y » là họ Bùi, vì chữ bùi viết phi trên, y dưới ; chữ « Đông-a » là họ Trần, vì chữ Trần viết một bên nửa chữ a, một bên chữ đông ; chữ « Phúc » là hiệu của người đàn ông mất ngoài sáu mươi tuổi, chữ « Tử » là hiệu người đàn bà cũng mất ngoài sáu mươi ; chữ « tịnh tiễn vô cùng » [illegible]u được tốt lành mãi mãi.

[illegible] nhiều viên nữa, viên thì chữ « quân thần trung », hoặc [illegible]ên-niên tự », viên thì khắc [illegible]ái-bình tự » hoặc « Khai-nguyên tự ». Lại có viên khắc hai chữ « Đại-quan » chữ « Lê-Bình », chữ « Thái-bình », chữ « Thiên-thông ». Có viên khắc chữ « đế vương », chữ « thái-tử ». Có viên khắc một chữ, như chữ « vương », chữ « tướng », chữ « điều », v. v.

Có một thứ gạch vuông, cũng chạm-trổ, dùng để xây tường ; khi mới đào được ở vùng Quần ngựa, tưởng là gạch để lát. Sau tìm thấy tháp Bình-sơn ở Vĩnh-yên, phía bắc Việt-trì (1), mới biết thứ gạch ấy dùng để xây tường. Có viên chạm tám con rồng tròn trong bốn góc, ngoài là mây ; có viên chạm hình chám, ngoài chạm hoa ; có viên ngoài vuông trong tròn, xung quanh là mây với hoa. Để dựng đứng thì viên trên viên dưới có khi có đường sỏi, chồng liền khít lại, không thấy mạch vôi. Trung bình mỗi bề 37 phân tây, dầy 7 phân tây, đều có khuôn sẵn, chỉ rập thành hình, rồi đem nung, không phải gọt giũa gì cả.

Chỗ nào không dùng những gạch ấy, thì dùng hạng gạch nhỏ chạm cạnh dài, trông cũng đẹp. Như ở Cổ-loa là kinh đô vua Thục (khoảng năm 257-208 trước kỷ-nguyên), cũng có những viên gạch chạm như thế. Hạng to chạm bề mặt, thì khi xây tường, dựng mặt ra hai bên, viên trên viên dưới liền cạnh nhau. Hạng nhỏ, chạm cạnh dài, thì khi xây, chồng viên nọ lên viên kia, phía cạnh làm mặt tường.

Ngày xưa, ở Đại-la cũng có thứ ngói chiếu như kiểu ngói ta bây giờ, nhưng phần nhiều là ngói ống, một đầu chạm hình hoa hồng. Còn ngói bịt đầu, thì có thứ chạm con rồng hay con phượng. Ở vùng Bình-sơn, có thứ ngói bịt đầu chạm hình ba cái tháp (2).

Cứ nhận kỹ những gạch ngói chạm vẽ tinh-xảo như thế, thì biết cung-điện ngày xưa trang-hoàng biết là nhường nào, lâu-đài ngày xưa nguy-nga biết là chừng nào ? Có cái kiểu chạm hình con rồng, trông rất khéo, hiện có bày trong tủ kính Đại-la ở viện Bảo-tàng Hà-nội : kể đồ gốm mà tinh được như thế đã là khéo lắm.

Những con rồng chạm ở những mảnh đào được ở vùng Quần ngựa, phần nhiều giống mình rắn, uốn thành nhiều khúc : ở các bia đá cổ, cũng chạm kiểu rồng ấy, như bia Thị-đức (Hải-dương) năm Khai-hựu thứ ba là năm 1331.

Những đồ lặt-vặt đào được ở vùng Quần ngựa cũng nhiều lắm, như lọ, ấm, âu, liễn, v, v. nhưng tôi ngờ là của người Tàu đem sang : phần nhiều sắc vàng màu mỡ gà, sắc xanh màu trứng sáo, màu đồng-thanh, v. v. Bài này tôi nói riêng về vết-tích thành Đại-la, nên tôi chỉ kể đến những vật-liệu làm ở xứ ta như ngói, gạch là những đồ nặng, cần phải có nhiều, không thể từ bên Tàu đưa sang được, nên mới dám đoán là của Đại-la.

Ở Đại-la còn có những mẫu nhà mẫu tháp nho nhỏ bằng đất nung, xét ra gần giống những mẫu của Tàu, vào khoảng Đường, Tống : những mẫu tháp ấy (chữ phạm gọi là stûpa) không những đào thấy ở vùng Quần ngựa, ra ngoài Bãi cháy (Vatchai) và Hòn gay,

cũng thấy người ta đào được nhiều (3).

Ngày xưa dùng tháp nhỏ có hai ý nghĩa, một là để tạ ơn, hai là để làm đồ minh khí cho người cõi âm. Ở làng Nghi-vệ (Bắc-ninh), v.v., Trường Bác-cổ đào được những nhà nhỏ bằng đất nung, hiện bày ở Viện Bảo-tàng: xem như thế thì ngày xưa hình như chưa có đồ mã như ngày nay.

Kể ra thì hơn hai vạn mảnh đồ sành và đồ gốm má Trường Bác-cổ mua được ở vùng Quần ngựa, nhiều cái cũng không biết rõ ngày xưa dùng để làm gì, nhưng từ ngày tìm được cái tháp cổ ở Bình-sơn, tức là từ năm 1933, thì đã biết thêm được nhiều thứ, hiện đã đắp một cái mẫu tháp Bình-sơn bằng bột nặn, bày ở Viện Bảo-tàng Louis Finot. Tháp còn mười ba tầng, cao độ mười lăm thước tây, dưới bệ ba thước rưỡi, trên ngọn một thước rưỡi. Gạch xây tường thì chạm theo kiểu con rồng và hoa sen, của Tàu đời xưa, hiện còn in trong bộ *Doanh-tạo pháp-thức* của Lý Minh-Trọng (4). Nhưng tháp Bình-sơn chỉ đổ mất ít, chứ thành Đại-la không còn gì, chỉ còn những vết-tích như thế mà thôi.

Đại-la nghĩa là gì? — « Đại » là lớn, « la » là vòng quanh. Nguyên trước lại chữ « La-thành » là thành vòng quanh, đến đời Cao-Biền (năm 866) đắp lại to hơn, gọi là « Đại-la thành », nghĩa là thành vòng quanh lớn; sau hóa ra tên hai chữ « Đại-la » đi với nhau (5).

Quyển *Tân Đường thư* (6) chép truyện Cao-Biền như sau này: « Cao-Biền tên tự là Thiên lý, người châu U, cháu nội Nam-bình quận-vương Sùng-văn. Nhà ấy đời nào cũng có người làm chức cấm-vệ. Cao-biền lúc nhỏ đã thích nghề văn, mỗi khi cùng chư-nho nói chuyện, thường đàm đạo đến việc trị nước: người trong quân đều khen ngợi. Theo Chu-thúc-Minh làm chức tư-mã. Có một hôm, trông thấy hai con cắt cùng bay, Cao-Biền nói: « Nếu sau này ta được qui-hiển, thì bắn tin con cắt kia », rồi giương cung bắn một phát trúng cả hai con: người người trong quân đều kinh-phục, gọi là « lạc-chữ thị-ngự », nghĩa là quan thị-ngự bắn rơi con chim cắt. Sau dần dần Cao-Biền thăng đến Hữu-thần sách quân — Đăng Đô-ngu-hầu làm phản, Cao-Biền đem một vạn cấm-binh đến đóng ở Tràng-vũ. Lúc bấy giờ các tướng đánh không nổi, duy Cao-Biền hay dùng kế, giết được rất nhiều. Vua Đường Ý-Tôn (860 870) khen thưởng, cho đem quân đến châu Thái, rồi cho làm thứ-sử kiêm phòng ngự sứ. Cao Biền lấy được châu Hà châu Vị, dẹp yên được cửa ải Phượng lâm, bắt hơn vạn quân của giặc phải hàng. Trong niên hiệu Ham thông, vua Đường muốn lấy đất An nam, cho Cao Biền làm đô hộ, với về kinh sư, tiếp kiến ở điện Linh dài. Bấy giờ tổng quản kinh lược sứ ở An nam là Trương. Nhân không chịu đánh giặc mán mường, vua Đường lấy quân của Trương Nhân giao cho Cao Biền. Cao Biền qua sông, hẹn với giám quân là Lý duy Chu đem quân tiếp sau; nhưng Duy Chu giữ quân đóng chặt cửa bể, không chịu tiến. Cao-Biền đến châu Phong, phá được quân Nam-chiếu, bắt được khí-giới. Duy Chu thấy thế ghen ghét, giấu thư báo tin được trận, không tâu vua, triều đình không biết. Hơn một trăm ngày không có tin tức, vua hỏi Duy Chu. Duy Chu hạch tội Cao Biền chỉ nhìn giặc, không chịu tiến. Vua bèn sai hữu vũ vệ tướng quân là, Vương yến Quyền sang thay Cao Biền. Trong khi ấy Cao Biền chém được tù trưởng Nam chiếu là Đoàn-tù-Thiên, bắt các làng man-di ở xung quanh phải hàng-phục; tính được hơn hai vạn người. Yến-Quyền đang bàn mưu với Duy-Chu đóng quân ở Hải-môn, bảo Cao-Biền về Tàu, thì Cao-Biền sai Vương-huệ-Tán đem đầu Đoàn-tù-Thiên đưa về kinh-sư. Huệ-Tán đang đi, trông thấy thuyền đằng xa, đoán là thuyền Yến-quyền, sợ Yến-quyền biết cướp mất thư, bèn giấu thư và đầu Tù-Thiên ở trong núi; bọn Yến-quyền đi khỏi, Huệ-Tán lại đi. Về đến kinh sư, vua Đường xem thư, ngự ở điện Tuyên-chính, quần-thần

(Xem tiếp trang 15)

ĐÃ CÓ BÁN

Một quyển sách mà ai ai cũng mong chờ, cũng nên đọc dâu là người mạnh, người phổi yếu, người bị lao.

BINH HƯ LAO

những phương pháp ngừa lao, săn sóc người phổi yếu và tiếp dưỡng người bị lao
Giá 4$00

của Bác-sĩ LÊ-VĂN-NGÔN

TỔNG PHÁT HÀNH:

Hànội: *Hiệu sách Đông-Tây 195 Hàng Bông*
Huế: *Hiệu sách Văn Hòa 29 Maréchal Pétain*
Saigon: *Nhà sách Nguyễn-khánh-Đàm 12 Rue Sabourain.*

Có in ít bản giấy đẹp hảo hạng. Xin đặt trước nơi Ông Nguyễn Khánh Đàm.

BÁ ĐA LỘC VỚI HOÀNG TỬ CẢNH

Số 3

NGUYỄN TRIỆU

Từ Lorient lên đến Versailles, Đức-thầy và Hoàng-tử Cảnh được Pháp-hoàng là Louis XVI tiếp-đãi ân-cần niềm-nở. Hoàng-tử Cảnh được tiếp rước theo vương-lễ và lưu-trú trong hoàng-cung chơi đùa với các ông-hoàng bà-chúa Pháp. Bấy giờ có thết yến tiệc linh đình và đặt ra lắm bài hát để kỷ-niệm.

Nhà họa-sĩ Mauperin bấy giờ cũng đã có vẽ mấy bức truyền-thần Hoàng tử Cảnh và Bá Đa-Lộc mà nay hãy còn.

Sau khi điều-đình thỏa-thuận các khoản về việc cầu-viện, ngày 28 Novembre 1787, Bá Đa-Lộc cùng De Montmorin ký hiệp-ước, ngày 8 Décembre Bá Đa-Lộc vào bái tạ Louis XVI, rồi đến ngày 27 Décembre (29 tháng 10 năm Đinh-mùi) thì đưa hoàng-tử Cảnh và các quan tùy tùng đáp tàu « Dryade » về nước. Mãi tới ngày 18 Mai năm sau (1788) Hoàng-tử cùng Bá Đa-Lộc mới về qua đến Pondichéry. Lúc này vua Nguyễn ở Xiêm đã về đóng quân ở Hồi-oa, sắp tiến binh thu-phục thành Gia-định.

Cùng chuyến tàu này, Pháp-đình cũng gởi luôn cả chiếu chỉ và bản hiệp ước kia cho quan tổng trấn Pondichéry de Conway để xuất binh cứu-trợ vua Nguyễn. Song cũng vì Conway làm trở ngại trì-hoãn, nên Đức-thầy Bá Đa-Lộc mới vì tình bằng-hữu và giữ lời hứa là phải cố giúp, nên vua Nguyễn với « *gởi ấu nhi, trao quốc bảo* » cho thầy, mà « tây nam đạc bằng » từ đó. Và Đức thầy nhận tiếp được tin của đồ-đệ là Hồ-văn-Nghị (Paul Nghị) cho hay rằng chúa Nguyễn-Ánh bấy giờ đã có binh-lực thắng thế và gần thu phục được hết Nam-kỳ, nên Đức thầy lại càng phấn-khởi, bỏ tiền riêng ra mua khí-giới và chiêu-mộ những người Pháp thanh-niên anh tài có quân-sự kinh-nghiệm bấy giờ ở Pondichéry hay ở các tàu sang Đông phương để đưa về giúp vua Nguyễn.

Tháng 5 năm kỷ-dậu (15 Juin 1788), Đức thầy Bá đa Lộc cùng Hoàng-tử Cảnh xuống tàu « Méduse » từ Pondichéry về Gia-định ghé qua đảo Côn-lôn ngày 19 Juillet và đến 24 Juillet thì tàu tới Bãi - Dừa (ô-cấp).

Nguyễn-vương lúc này, đã khắc-phục được Sài-gòn rồi, được tin, xiết bao mừng rỡ, bèn sai Tôn-thất Hội đem binh thuyền ra cửa Cần-giờ đón Đức-thầy và Hoàng-tử.

Cùng chuyến tàu này chỉ mới có Olivier de Puymanel (ông Tín) (1) tới cùng Đức-thầy, còn các võ quan khác thì mấy chuyến sau sẽ lục tục tới.

Trong số các võ-quan Đức-thầy đưa sang giúp vua Nguyễn bây giờ, ngoài Mạn-Hòe (Manuel) đã tử-trận tự năm nhâm - dần (1782) không kể có mấy người này là đắc-lực cho triều Nguyễn và ta còn quen biết hơn hết : trưởng tàu Long hay ông Long Chaigneau Nguyễn văn Thắng) trưởng tàu Phụng Vannier (Nguyễn văn Chấn), Olivier de Puymanel (ông Tín) Laurent Barisy (Mãn) de Forçantz (Lê văn Lang), Le Brun, Despiau, Dayot, vân vân. Tiểu-sử các vị công-thần ấy, Tri-Tân đã có đăng đủ.

Bấy giờ Đức-thầy luôn luôn ở bên cạnh vua Nguyễn làm phụ-đạo cho Đông cung Cảnh (2) và cùng các Pháp-quan rèn tập tướng-sĩ theo phép Âu-tây.

Vì thấy Đức-thầy dày công với xã-tắc và được nhà vua tin-dùng, nên nhiều quan ta sinh ra ghen ghét và kiếm cách gièm pha, tâu xin chọn lựa quan ta làm phụ đạo cho Hoàng-tử Cảnh theo đạo Khổng Mạnh. Song, không bao lâu, Hoàng-tử Cảnh lại về gần Bá Đa-Lộc dậy dỗ, vì hai người đã từng vượt bể tự Đông sang Tây quen hơi bén tiếng và hoàng-tử chỉ ham đọc những sách chữ Lang-sa.

Các quan người Pháp mới tới bắt tay làm việc : năm nhâm tý (cuối Juillet 1792) Vương sai *Tiền quân* Nguyễn văn Thành và *Trung quân* Nguyễn văn Trương cùng với Dayot và Vannier đem chiến thuyền từ cửa Cần-giờ ra đốt phá thủy-trại Tây-sơn ở Thi-nại.

Năm sau quý-sửu (1793) sai Olivier de Puymanel ra xây thành Saigon, Châu-đốc, Vĩnh-long, Hà-tiên và Diên-Khánh, rồi nên tháng 11 năm sau là giáp-dần (1794), nhà vua lại ủy cho Đức-thầy phò Đông-cung Cảnh ra giữ thành Diên-Khánh.

Tháng giêng năm Ất-mão (1795) Trần quang Diệu lại vào đánh Diên-Khánh, tháng 2 Vương lại cho Đông-cung Cảnh cùng Bá Đa-Lộc về giữ Gia-định.

Mấy trận đánh nhau với Tây-sơn ở Diên - Khánh, chính Bá Đa-Lộc cầm quân ra đánh và lại thêm có Olivier de Puymanel xuất-trận với

những cỗ súng thần công đặt trên lưng ngựa làm cho quân Tây-sơn thất-đảm kinh-hồn mà tan vỡ chạy.

Đến năm Kỷ-mùi (1799), Đức-thầy Ba Đa-Lộc lại theo Nguyễn-Vương ra đánh Qui-nhơn, thọ bệnh rồi về chầu chúa ở My-cang (gần Qui-nhơn) ngày 11 tháng 9 năm Kỷ-vị nhằm ngày 9 Octobre 1799 thọ 54 tuổi. Nguyễn-Vương lấy làm thương tiếc vô cùng, cho binh-thuyền đưa thi-thể về Gia-định để làm lễ quốc-táng và truy-phong là Thái-tử thái-phó Bi-nhu quận-công.

Tang-lễ Đức-thầy cử-hành vào ngày 19 tháng 10 năm Kỷ-mùi nhằm ngày 16 Novembre 1799 rất trọng-thể, chính Đông-cung Cảnh phụng-mạng làm chủ-tang gồm có cả nghi lễ về tôn-giáo và Triều-đình ; có 120 con voi và 1.200 quân đi hộ-tống. Từ đức Hoàng mẫu-hậu, Nguyễn-Vương, Hoàng-hậu Hoàng-thân, các hoàng tử công-chúa cùng văn-võ bá quan và các tướng tá người Pháp có mặt tại Gia-định bấy giờ đều đi đưa tới huyệt. Nguyễn-chúa có đọc một bài sắc-văn rất bi-ai thống-thiết. (3)

Đây xin trích đăng mấy bài văn-tế của Nguyễn-Vương và Đông-cung Cảnh tế Đức-thầy Bá Đa-Lộc do quan Lễ bộ Đặng Đức-Siêu (4) soạn.

Văn của Đông-cung Cảnh tế

Hỡi ơi!

Mấy năm dư tri-ngộ, tình chửa rồi trong cuộc chinh-chu ; năm mươi le xuân thu, sao vội rẽ ngoài vòng cực lạc?

. . . . . .

Tục người khác mà tâm lòng chẳng khác, chưa vang đã rõ bạn tương tri ; thù nước riêng mà tấc dạ chẳng riêng, ren đa quyết vá trời Việt-quốc.

Ngõ thấy nhà Lưu vận ách, đất Hứa-xương rộng-rai, đà khỏ ngăn giặc quy Tào-man ; từng than thế Hán thiêu binh, nơi Tân-dã hẹp hòi, lại khòn dụng đồ chiêm Gia-cát.

Cùng thuyền bá-việt, dìu dắt đưa lá ngọc cành vàng ; kẻ nỗi gian-truân, nhục nhằn trải non xanh bể bạc.

Ra Thổ-châu, vào Phú-quốc giặc sau lưng theo đuổi, cùng nhau hầu khôn chước giải nguy ; đồ khôi-phục, liệu tả binh con dưới gối lìa trao, muôn việc đã đành lòng ký-thác.

. . . . . .

Ra công giúp của khi loạn ly từng đỡ ngặt nước nhà ; nỗi gót đi tai, việc triều chính đã in nhau gan mật.

. . . . . .

Dải Diên-Khánh bốn bề sa-mạc, lòng bền dạ gắng ; giúp Đông-cung khỏe sức chống thành ; thu Qui-nhơn một lũy Đồ-bàn, thể vận màn che, khiến Sơn-tặc cúi đầu quay bước.

Ra Bến-đá đưa nên bệnh quỷ, bệnh lại thêm dữ nhật dữ tăng ; về Kỳ-sơn cầu chuộc thuốc tiên, thuốc khôn giúp tư nhân tư tật.

. . . . . .

Nào thủa nước Lang-sa, thành Vong các, đường xa dặm thẳm, mấy thu trời ai được gặp nhau! Bây giờ miền âm giới cõi dương gian, kẻ mất người còn, ba tác đất mà không thấy mặt!

. . . . . .

Đôi con trẻ cho mà dạy dỗ, lối cổ nhân dấu hãy rành-rành ; dứt nghĩa này chẳng gác về dâu, trông Thiên giới gót dà phàn phật!

Phân tân chủ, xẻ chia hai ngả, bồi-hồi xiết chạnh lòng đau ; tả ân-tình, lạo thảo một văn điếu tế tạm dùng lễ lạc.

Công nặng đó, của thêm nhiều đó, ngàn vàng chưa dễ đền bồi ; còn tưởng nhau chết cũng tưởng nhau, trăm thủa hay còn ghi tạc.

Than ôi! thương thay!

Văn của Nguyễn Vương tế.

Hỡi ơi! Người nước khác mà dạ lòng chẳng khác, công non sông thẻ lụa đương cài ; ân nghĩa trôn mà báo đáp chưa tròn, đường sống thác sớm chầy khó liệu!

Êm giấc hòe, hồn đó thanh thanh ; nhờ ơn trước, sầu đây dìu dịu!

Thủa ta mới quyền trọng nguyên súy, bạn tóc răng nghĩa sơ giao ; ngày người làm khách viễn phương, vàng đá phỉ nguyền tương ch

(Xem tiếp trang 15

Bản chí đã nhờ võ sĩ LÝ-VĂN-QUẢNG đi cổ động cho TRI-TÂN ở Lục-Tỉnh. Vậy mong các bạn sẵn lòng giúp cho ông QUẢNG làm tròn phận sự. Đa tạ.

Một quyển sách mới về Mặc-Tử

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

NGÀY nay, nhờ có sách ta sách tây, nhiều người đã biết ông Mac-tử (Mặc-Địch) là một nhà triết-học nước Tàu về đời Chiến-quốc. Ông xướng ra thuyết kiêm-ái (tức bác-ái) là thuyết yêu ai cũng như ai.

Thuyết này thịnh-hành ở đời bấy giờ, đã có người khen ngang với đạo nho; nhưng ông Mạnh-tử chê là vô-phụ (nghĩa là không có tình cha con), cố sức bài bác, cho nên học-thuyết của ông Mặc-tử không được lưu-hành lâu dài.

Người Pháp thường gọi là thuyết xã-hội: có người làm sách về Mặc-Tử, đề sách là «Chủ-nghĩa xã hội của người Trung-hoa: nhà triết-học Mặc-tử với cái ý-nghĩa hỗ-trợ» (*Socialisme chinois: le philosophe Meh-ti et l'idee de solidarité, par* A. *David*).

Mới đây, hiệu Mai-lĩnh có xuất-bản một quyển *Mặc-tử* bằng hiệu quốc-van, do ông Ngô-tất-Tố soạn cho bộ Triết-học tùng-thư. Sách in khổ giấy một bề 13 phân, một bề 18 phân tây, được 240 trang. Trong nói tiểu-sử và học-thuyết Mặc-tử, tông-phái và chính-trị Mặc-tử, học-thuyết của phái biệt-Mặc, v. v.

Phần nhiều dẫn nguyên-van và dịch âm, dịch nghĩa. Nếu làm cho thật kỹ, thì đối với những người khảo-cứu chữ nho, cũng bổ ích được đôi chút; nhưng xét ra có nhiều chỗ sai lầm. Thí dụ ở trang [illegible] có câu: «người trên không nghe [illegible] chuyện chính trị»; câu ấy bên [illegible] nho là «thượng bất tì ính-trị». [illegible] thính nghĩa là nghe, nhưng còn có nghĩa là xử-đoán hoặc trông nom, như kinh Lễ có câu: «Dĩ thính ngục tụng», để xử-đoán việc ngục-tụng; *Chu-lễ* có câu: «Bang chi tiểu-trị, tác chủng tề thính chi», những việc nhỏ trong nước thì quan chủng-tề trông nom đó. Chữ «thính trị» của Mặc-tử cũng phải dịch là «trông nom việc trị» thì mới đúng nghĩa. Trang 71, có câu: «thợ đóng quan tài có thước vuông»; câu này do bên chữ nho là «tượng nhân chi hữu củ»: chữ tượng là thợ làm đồ gỗ (mộc công giả, theo tự-vị Tàu), chứ không riêng là thợ đóng quan tài. V... v... Những chữ dẫn sai hay dịch thiếu, cũng nhiều lắm, như trang 44, dòng 6, có chữ «chu dụng chi thủy, xa dụng chi lực», chép nhầm là «chu chi dụng thủy, xa chi dụng lực». Trang 79 chữ «phạt» ở cuối dòng thứ ba (kể từ dưới lên), in nhầm là chữ «minh». Trang 84, có câu: «ai cũng chăn trâu dê, nuôi chó lợn, để cúng tế thượng-đế»: câu ấy bên chữ nho là: «mạc bất sò ngưu dương, hoạn khuyển trệ, *khiết vi tư thính tửu lễ*, dĩ tế tự ư thượng đế». Thế là dịch mất sáu chữ «khiết vi tư thính tửu lễ»,

Nguyên-văn Mạc-tử truyền lại đã không lấy gì làm chắc, nay lại chép nhầm, dẫn thiếu, dịch sai, thì thật là có hại cho việc nghiên-cứu. Nhưng nếu biết chữa lại, thì quyển *Mặc tử* này cũng giúp ích cho những người muốn biết thân thế một bậc hiền-triết đã chủ-trương thuyết kiêm-ái và thuyết hòa-bình.

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

Cách xếp đặt chữ nho trong tự-điển

Số 9

TUY vậy sách lục-hoạch phân-loại cũng có thể dùng để xếp-đặt hán-tự trong tự-điển được. Nhưng tác-gia cần phải coi mình như người mới học nhiều chữ còn «trái cựa». Những chữ có thể viết nhiều lối được, phải viết cho nhiều số lục-hoạch cho tiện việc tra. Ví-dụ chữ *vương* 王 Có thể coi như chữ *nhất* viết trên chữ *thổ*, và viết hai nét ngang trước, rồi đến nét sổ, rồi sau cùng viết nét ngang thứ ba; viết như thế thì số lục-hoạch là 4414-14. Hoặc coi như chữ *đinh* 丁 mà nét sổ xuyên qua nét ngang trên chữ *nhị* 二 nghĩa là viết nét ngang rồi đến nét sổ rồi đến hai nét ngang cuối cùng; theo lối này, số lục hoạch chữ vương là 4144-44. Tác-giả cho lối trên là phải thì giảng nghĩa chữ vương ở số 4414-14. Nhưng phải xếp chữ vương vào số 4144-44 và chua: «Xem số 4414-14». Lại ví-dụ như chữ *cập* 及, *Trung học-sinh từ-làm* xếp vào số 3600-60, nghĩa là tác-giả ính có ba nét. Tự-vị *Khang-hy* xếp vào bộ *hựu* 又 nghĩa là tính chữ *cập* bốn nét: hai nét chữ *hựu* với hai nét thêm. Vậy chữ *cập* có thể xếp vào số 6770-70 hoặc số 7760-60. Muốn cho người mới học tra thấy, phải xếp cả ba chỗ theo ba số khác nhau: Số 3600-60 theo bút-pháp của tác-giả và hai số 6770-70 và 7760-60 theo viết trái-cựa, nghĩa là không viết như tác-giả. Nếu Sái tiên-sinh chịu khó thêm một chút và xếp-đặt những chữ «rắc rối» theo như cách trên này thì cuốn *Trung-học-sinh từ-làm* về phương-diện tra chữ dù không được bằng tự-vị Vương-văn-Ngũ, cũng hơn các tự vị khác nhiều.

ĐÀO TRỌNG ĐU

Một đoạn kịch bằng thơ

NGUYỄN HOÀNG

PHAN - KHẮC - KHOAN viết

Các vai :

Nguyễn Hoàng, Trấn thủ châu Thuận hóa, từ Tây đô mới vào cửa Việt, đóng ở làng Ái tử.
Nguyễn Ư Kỷ, cậu ruột Nguyễn Hoàng.
Một viên suất đội ; nhân dân sở tại.

***

SUẤT ĐỘI (cùng Nguyễn Hoàng). – Bẩm tướng-công,
Ty chức vừa trông thấy mạn bờ sông
Ba cụ lão thân tùng và tóc hạc,
Ba cụ lão tôn nghiêm và đĩnh đạc ;
Chòm râu dài đếm tuổi phất phơ bay,
Quạt lông ngan tròn nét nhẹ cầm tay ;
Và tay nữa khoan thai đưa gậy trúc
Gậy trúc nhẹ hóa long, ửng tươi màu lộc phúc,
Cả ba đều nhân hậu bước thong dong ;
Gió phất phơ mơn nhẹ chuỗi râu bông.
— Về niên xỉ, vẫn giữ nguyên màn quắc thước :
Trông dáng điệu như thiên thần hồi thuở trước·
Và theo sau mười bốn kẻ dân đinh
Với bảy chum đầy nước ngập rung-rinh...

NGUYỄN HOÀNG. — Mà tất cả đều đi về cửa Việt ?

SUẤT ĐỘI. — Bẩm tất cả
Trông có vẻ tôn nghiêm và quả quyết.
Vì mỗi chum che một lọng vàng dương ;
Một văn nhân điềm trống bước đưa đường ;
Rung trước gió, năm cờ đào đua sắc.
Và sau hết, phường bát âm cử nhạc...
Cả ba người lão trượng tóc râu bông,
Ngỏ lời xin vào bái yết Tướng công,
Để dâng hiến bảy chum đầy ngập nước.

NGUYỄN HOÀNG. — (hơi ngẫm nghĩ)

Ư KỶ. — Nước dâng ấy là điềm lành báo trước
Hợp với lời minh đoán bậc liên tri (1).

NHÂN DÂN. — Dám quì tâu quan Trấn thủ uy nghi,
Xin dâng hiến 7 chum xưa, đầy nước lã
Dân đã hứng 7 đêm ngày ròng rã
Giữa mùa mưa đầm ấm buổi đầu xuân ;
— Đây là lòng qui thuận của nhân dân..

NGUYỄN HOÀNG. — Xin cảm tạ Trời cao ban lộc phước !
Ta cung kính hoa gươm vào mặt nước,
Nguyện một lòng nhân hậu mến thương dân.
Truyền đem ban cho trên dưới khắp tam quân
Người một chén, đặng thấm nhuần nước ngọt !
Nước trong suốt, nghiêng bầu ta sẽ rót,
Cho ba quân, trên dưới, khắp ba quân
Theo phò tạ, đi trấn một giang sơn ;
— Giang sơn ấy huy hoàng bao hẹn ước :

Nhân dân đã dâng lòng trong ngần nước.
Ta hoa gươm nơi mặt nước trong ngời ;
Nước long lanh in rõ một khung trời :
Trời xanh biếc, trên đầu ta cao rộng,
Nơi đáy nước, trời mây xa lồng lộng ;
Trước trời xa, và cung kính dưới trời cao,
Tay công minh, lòng đức hậu, chí anh hào,
Ta thề quyết kiên tâm tròn phận sự !
Nơi đất lạ, ta bền gan trấn ngự
Cho quân Chàm kia khỏi lấn biên cương ;
Giữ đất đai châu Thuận hóa cương cường,
Riêng một cõi giang sơn ta ngự trị.
Nhưng lòng mến chúa vẫn một niềm chung thủy.

Ta vui lòng cảm tạ ý nhân dân,
Dám xin mời ba cụ tạm lui chân,
Mai mốt sẽ vời ra bàn việc lớn.

NHÂN DÂN. — Xin vâng lệnh. Lòng dân vui hơn hớn
Gặp phúc tinh, vì Chúa tể của non sông...
Dân cúi đầu xin bái biệt Tướng công

Man hạ

PHAN - KHẮC - KHOAN

(Rút ở đoạn cuối trong vở kịch « Nguyễn Hoàng »)

(1) *Lời của Trạng Trình : « Hoành sơn nhất đ[illegible] vạn đại dung thân ».*

KIMKO

(*Bài nối*)

KHÁI-SINH

II

NÀNG vốn người có nhan sắc ; lúc nhỏ, đã được các chị em gọi đùa là cô tiên. Bấy giờ đang lúc « dậy thì », nàng lại càng đẹp, đẹp quá. Đã có sắc, lại thêm có tài : đàn ca, múa hát, thêu rồng, kết hoa, bao nhiêu những khoa làm cho người vui vẻ như mỉm cười, nói chuyện. Kimika dạy một thì nàng biết mười. Ở hồng-lâu lại có tục con hát phải đặt những bài huê-tình ngan-ngắn để ngâm hay hãm, các ả kia lắm lúc phải lúng-túng, chứ nàng, nàng là người có học, lại sinh trưởng trong hoàn-cảnh như thế thì cái « *yên sĩ phì lý thuần* » dễ có luôn luôn, nên chẳng bao lâu cái thời kỳ tập-sự của nàng đã hết. Kimika thấy một người kế nghiệp hơn mình như thế, bèn đặt cho là Kimiko (cũng như bên ta gọi cô Điểm cũ, cô Điểm mới).

Kimiko ! Kimiko ! cái tên nàng mới viết lên trên đèn lồng treo trước cửa hồng-lâu mà đã yến-anh xôn-xao, bướm ong xào-xạc. Đối với làng chơi, như có một tin gì lạ-lùng ở trong nhà ấy, nên họ thường tấp nập tới lui. Nhiều người chỉ nghe tiếng mà đến, nhưng đã đến thì mê.

Kimika thấy thế thì mừng, chứ nàng thì lại buồn tênh. Nàng buồn, đã hay buồn cho mình nhưng cũng buồn cho người nhiều hơn nữa. Nàng là người có học, không muốn để ai phải vì mình tan cửa nát nhà, tổn danh hại giá, cho nên nàng hết sức dùng những thuật hay chước lạ để đối-phó với cách làng chơi : Với bọn thanh niên chỉ biết ham bề sắc dục, nàng khuyên nhủ nên lập sự nghiệp để cho ích nước lợi nhà, với bọn giàu có muốn vung của lấy tiếng, nàng bảo nên để tiền lập trường học, xây nhà thương, giúp đồng bào thất học... Nhiều khi nàng khuyên không nghe, nàng phải làm bộ khinh bỉ cho họ đỡ mê. Nhưng khốn thay ! cái ma lực sắc tài kia đã ám ảnh người ta, làm cho ai nấy đã chẳng lìa ra được, lại cứ cố chen nhau vào lưới tình ! Thậm chí có một ông lão mê nàng quá, hình như chỉ sống ở nàng mà thôi, ngày nào lão cũng làm tiệc mời khách rồi bắt nàng hầu rượu : Tiền của như vứt xuống sông, sản nghiệp như tan ra gio ! Nàng hết lòng can gián, mà lão cứ chứng nào vẫn giữ tật ấy, rồi cái thân-thế lão cũng cùng theo với gia-tài lão mà đi đời... Thảm thay !... cũng có nhiều người định bỏ một số tiền to để chuộc cho nàng ra, nhưng nàng chỉ cảm ơn, không muốn. Nàng không muốn có phải nàng ham mê chỗ ô-uế ấy đâu, chẳng qua chỉ vì nàng lo xa nghĩ xâu không muốn để ai vì mình mà khổ một đời.

Càng ngày danh càng lừng-lẫy, nàng được người ta thương yêu, quí trọng, kẻ đem kim-cương bảo-thạch lại làm quà, người lấy vòng vàng nhẫn ngọc đưa làm tin ; nàng nhất thiết từ chối. Có ai gắn bó muốn cùng nàng kết mối đồng-tâm thì nàng cũng khước hẳn ; không ai rõ tâm-sự nàng ra sao.

Nàng bấy giờ như của báu cả Kinh-thành, Ai nói đến thành Kyoto là nhắc tới tên nàng, ai qua thành Kyoto là muốn được xem mặt nàng. Bởi thế nên có nhiều nhà buôn muốn lợi dụng phong trào, cố nài nàng cho in ảnh làm dấu-hiệu những đồ hàng nhà mình chế-tạo ra hòng thiên-hạ nô-nức đến mua cho đông. Quả nhiên, mấy hiệu ấy thấy phát-tài lắm.

III

Một hôm, có tin — cái tin làm náo động khắp Kinh-thành — nàng đã cáo từ người cứu nàng và các chị em quen biết nàng để cùng đi với ý-trung-nhân. Thì ra người này vốn con nhà trâm-anh, lại là con một, cha mẹ đã già, từ khi được biết nàng, những lăm-le bàn sẻ, nàng nhất quyết không thuận. Chàng cứ khang-khăng nếu nàng không lấy thì thề sẽ tự-tử, nên nàng đối với mối tình độc nhất vô nhị ấy, đành phải thu xếp theo anh chàng si-tình đó.

Năm ấy người em gái nàng cũng vừa tốt nghiệp ở trường ra, nên trước khi theo về ở nhà chàng kia, nàng cố thu xếp gả em cho một người buôn bán nọ để cho yên bề vì trong mấy năm nàng phải lan lộn trong vòng tình ái, giao thiệp với hầu hết các hạng người cũng đã chán biết nhân tình thế thái.

Nàng về nhà Taïko-Hidéyoski — tên chàng si-tình — được đủ mọi vẻ sung sướng : ở nhà lầu, lên xe xuống ngựa, một câu gọi, mười hai câu thưa ; một nhời nói, nghìn bạc như chơi, tưởng thần-tiên trên lục-địa cũng khó sánh kịp.....

Nhưng xin độc-giả chớ tưởng nàng đã là vợ của chàng si tình đâu, nàng ở nhà Kimika là ca-nhi, nàng về nhà Taïko cũng vẫn là ca-nhi ; đã hai, ba phen, chàng kia nài nỉ xin cho làm phép cưới thì nàng cứ xin khất lần mãi, hỏi cớ thì nàng chẳng nói.

Ròng-rã được tám tháng, nàng mới rầu rầu nét mặt mà nói rõ cho chàng kia hiểu vì lẽ gì nàng không muốn cùng chàng kết nghĩa tram nam để vui chữ xướng tùy. Nàng nói bằng giọng dịu dàng nhưng quả quyết :

« Thiếp tưởng nay đã đến lúc phải giãi bầy cho chàng rõ tâm sự thiếp : thưa chàng, thiếp mà phải sa chân vào chốn khổ-hải nhơ nhuốc là vì mẹ già, em dại. Đành rằng bây giờ sự đó đã rồi. Từ khi ngộ biến đến giờ, ong chưa qua, bướm chưa lại, song cái thân thiếp đã thừa xấu-xa ; dù có thứ nước gì chăng nữa, dễ mà tẩy cho sạch được ? Nghĩ mình tự thẹn, đâu dám đem trần cấu dự vào bố kinh ? Bởi thế một người như thiếp tưởng không có quyền gì được làm vợ một người tử-tế, được sinh con đẻ cái, gây dựng một gia-đình nữa . . .

« Xin chàng cứ để thiếp nói, thiếp đây chút phận hoa rơi, nhưng đã từng nếm trải biết bao vị đắng cay nên cũng có thể gọi là khôn hơn chàng được... Bởi thiếp như thế, nên không bao giờ thiếp dám bằng lòng làm vợ chàng để đến nỗi chàng phải ô danh nhơ tiết vì thiếp. Thiếp đây chỉ là một người bạn mua vui cho chàng, một người quen biết chàng trong chốc lát mà thôi. Bây giờ chàng thương yêu thiếp, chắc chàng không muốn cho nhời thiếp là phải, nhưng rồi ra, khi nào thiếp xa chàng — mà cái ngày biệt ly ấy tất thế nào cũng đến — bây giờ chàng sẽ biết sự đời một cách thâu triệt hơn, chàng sẽ lại có lòng qui trọng thiếp. Chàng qui-trọng thiếp bấy giờ không phải là chàng qui-trọng thiếp về bên tài sắc của thiếp, mà là qui-trọng một cách hợp lẽ hơn, một cách cao thượng hơn.....Chàng ơi ! những lời thiếp nói đây là những lời tâm huyết, rồi chàng thế nào cũng sẽ nhớ tới luôn. Cái phận thiếp đã mỏng-manh như thế, vậy chàng nên chọn một người hiền thục để làm nội trợ, trước để phụng sự cha mẹ già, sau để sinh con cái mà nối dõi tông đường. Con cái chàng rồi sẽ có ngày thiếp gặp... Chàng ơi ! chàng có thương thiếp thì nên nghe lời thiếp, chàng chớ ép nài thiếp nữa, thiếp không thể làm vợ chàng, không thể được hưởng cái thú làm dâu hiền, vợ đảm, mẹ từ được. Thiếp xin nhắc lại: thiếp chỉ là người của chàng trong chốc-lát, trong giấc mộng, một cái bóng vụt qua cửa sổ mà thôi ! Tương lai của thiếp không biết chừng có được hơn cuộc hiện-tại chăng ? Nhưng dù hơn, dù kém, thiếp cũng không có thể cùng chàng se tơ kết tóc được. Chàng mà cố ý ép thiếp, thiếp tất phải dứt tâm từ giã chàng ngay lập tức..... »

Ấy nàng nói cả quyết như thế, nên chàng kia đành phải chịu vậy.

IV.

Thì-giờ thấm thoát trôi...Được mười tháng sau, tự nhiên nàng đâu mất, không ai trông thấy nàng đi lúc nào mà chẳng ai được tin nàng đi về đâu. Ai nấy đều chắc nàng còn trở lại vì bao nhiêu của quí, vật lạ cùng y-phục tư trang,

nàng đều để lại hết cả.

Ngày qua, tháng lại, không thấy tam hơi nàng đâu! Nhưng người biết nàng đều lo có lẽ đã xảy ra tai nạn gì chang, nên nào sai người mò sông, mò giếng, viết thư, đăng báo và cho gia nhân đi tìm khắp mọi nơi. đều vô hiệu, mà tông tích nang vẫng hoàn lặn ngắt!..,

Hết xuân sang hạ, đông lại thu qua, hết nam này qua nam khác, càng tìm lại càng mịt mờ tăm cá, bóng chim!

Những nhời nàng nói với tình nhân khi trước không sai chút nào. Lòng thương nhớ nàng rồi dần dần cũng nguôi, giọt lệ sinh ly kia dần dần cũng cạn, chàng Taiko vì có cha em súc bách, lại nhân hồi tâm nghĩ lại, mới lấy vợ rồi sinh một đứa con giai, hay ăn chóng lớn. Chẳng bao lâu trong cái lầu nàng ở trước đã lại có cái cảnh tượng vui-vẻ như xưa.

Một hôm, có một vị sư-nữ đến cửa quyên giáo. Đứa con giai đương chơi quanh đấy nghe tiếng niệm Phật, chạy ngay lại. Trong khi con nhải vào nhà lấy một bát gạo ra cho nhà sư, thì nhà sư vẫy cậu bé đến, vuốt ve cậu mãi rồi sẽ ghé vào tai cậu mà nói nhỏ; kịp đến lúc con nhải ở nhà ra, cậu bé giằng ngay lấy bát gạo đổ vào cái thúng con của nhà sư mà tủm tỉm cười, sư-nữ lại vuốt ve cậu. rồi cảm ơn cậu mà bảo: « Tôi vừa dặn cậu nói gì với ông, cậu thử nhắc lại tôi nghe xem còn nhớ hay quên nào!.. » Cậu bé bập-bẹ nhắc lại, sư-nữ vỗ má cậu, cầm lấy tay cậu mà vuốt lần nữa rồi đi thẳng một mạch thực nhanh.

Tissus locaux

ÉTABLISSEMENT CAO-DOT

Chuyên bán buôn và nhận dệt khoán các thứ hàng nội-hóa như:

Douppion, Shan-tung, Faux, shangtung, Lin, Faux tropical-Tussor, Tussor demi-soie, Toile de soie, de rayonne, Toile tailleur, bao tải đựng ngô, gạo, vân vân.

Nơi giao dịch:

Thơ bảo đảm và bưu phiếu xin gửi về cho M. Bùi Thọ Cao:

12 Rue Strasbourg

HAIPHONG

Muốn lấy mẫu, xin gửi 0 $ 50 bằng timbre để làm cước phí.

Cậu bé cũng giở vào trong nhà với con nhải, trông thấy cha. liền ham-hở nói:

« Thưa cha, người mà cha không bao giờ gặp được ở trên đương gian này vừa bảo con bẩm với cha rằng người ấy trông thấy con, trong lòng lấy làm hả lắm đấy. » Người cha nghe nói, nước mắt vòng quanh, cảm-động quá, ôm lấy con mà nức-nở khóc vì biết người bảo con thế là ai rồi. Nghĩ đến ai đã vì nhà vì mình mà hi-sinh cả hạnh-phúc, trong lòng bao xiết ban khoăn, nhưng nỗi xót-xa này nào ai có thấu! Chàng Taiko từ đấy biết người xưa còn sống, nhưng bây giờ muốn tìm thì có lẽ cách nhau xa lắc xa lơ! Thôi đành:

Thương nhau thì để trong lòng,
Biết đâu tìm thấy bóng hồng cho ra?!

Từ đấy, chàng yên lòng kính cẩn vọng nàng, trong chí chỉ tâm tâm niệm niệm cầu cho nàng chóng thành chánh quả.

KHÁI-SINH

ĐÃ CÓ BÁN

THI NHÂN VIỆT NAM (1932-1941)

của HOÀI-THANH và HOÀI-CHÂN

In lần thứ hai

HÌNH-ANH MỘT THỜI-ĐẠI ĐỘC NHẤT VÔ NHỊ TRONG THI-CA NƯỚC NHA

Hơn 400 trang — gần 40 bức ảnh — Bìa của họa sĩ **Nguyễn đỗ-Cung**

Giá bán: *Loại thường: 4 $ 25, loại bouffant hảo hạng: 7 $, loại versé baroque crème: 20 $*

NGUYỄN ĐỨC PHIÊN xuất bản

Boite postale 34 Huế

Bá Đ. Lộc với Hoàng T. Cảnh

(Tiếp theo trang 9)

Nghĩ lúc lưng gầy bước ngặt, đình Nam-vang, bầu tàn từ, phiêu lưu cho khỏi bạo tàn; tướng khi mạt ủ gan phiên, trời cồ quốc, bến Hậu giang, tìm nơi chàng từ hiêm yên.

Cực đến nơi cha con khôn giữ, gởi gia nhi, trao quốc báo, trời Tây phương muôn nọc ai hoài; may vừa đau nhà, nước, mơi về, đưa ấu tử, cam lương vàng, đạt Đông pho một đoạn vinh hiển.

Công giáo dưỡng may thu khán khán, phúc ta nhiều gần sánh Tam Vương; nghiệp tổ tôn nghìn thúa miên miên, công gã giúp ngõ toàn cưu miêu.

Đạo Tây-vực một niềm riêng giữ, chẳng cậy ai quốc-tư hoàng tôn; nạn Nam bang trăm chước mưu lo, dựa thế sức mưu mầu chước diệu.

Nhà Thái-học chia ngôi tây tịch, trải tin thành dòi buổi huân đào; dặm cô thành hộ giả Đông-cung, thêm khẳng khái mấy lần thượng biểu.

Mưu tế quốc kinh luân, dạ đỏ từng hay liệu định chia đồn phép dùng binh thao lược, mắt tường chi quản xông tên đạn pháo.

Che hỏa xa, bày trải phá, đẹp lòng loạn tặc thủa long-đong; oàn thiết tử, tán hoa ngan, giúp vận nước nhà khi thiêu thon.

An nặng nọ mười phần công của, trước sau trọn nghĩa tiên thi; lẽ ta cùng nghìn thua tôn vinh, đây đó phi nguyên hậu bảo.

May thu tran biên thanh Diên khánh, tặc dẳng đều mat vía kinh hồn; một trận hang hiêm địa Qui-nhơn, cô-nhân sớm phân bào chia áo.

Ôi! Núi Nhạc về thân, trời Nam để dấu.

Giọt dồng long ô-yết dễ đành; lệ lạp chúc xụt-xùi khôn ráo! Trăng tối chợt ngờ nhan-sắc, mở rèm đợi khách gia tàn; mày chiều ngắm tưởng phong-nghi, thiết ỷ mong người cố-lão.

Chữ «đạo đồng sinh, dưỡng» chế, tâm tang con chút đáp ân; câu «vinh cập một, tồn», tặng Thái phó ta đưa tình thảo.

Theo ý chúng nghi lễ ngoại-quốc, khi tống chung đó, đã xong xác cất hồn cầu; hết lòng thành lạy lễ Trung hoa, kỳ tử biệt đây, ngõ lạm bày điền tế điếu.

Trước sống đã suy tình bằng hữu, lòng trung lo sự nghiệp trung hưng; nay thác rồi nhớ nghĩa quan thân, tình còn giúp cơ đồ tái tạo.

Hỡi ơi! thương thay!

Mộ Đức thày Bá Đa Lộc tức là làng cha Ca hiện còn ở Saigon bay giờ. Ngay từ hồi đó cho tới năm 1832, vẫn có 50 quân thu lang coi giữ, song tự ngày Tổng tuần Lê văn Duyệt mất rồi thì Triều đình Huế bai bỏ số người trông nom ay.

(*Còn nữa*)

NGUYỄN TRIỆU

1) Xem Tri-Tân số 23 trang 11.

2) Hoàng-tử-Cảnh được lập lên làm Đông cung tự tháng 8 năm Quý-sửu (1793).

3) Kem bài dịch của Thừa ngọc Trần văn-Giáp trong Tri-Tân số 29 trang 11.

4) Xem Tri-Tân số 16 trang 17 và Danh-nhân Bình-định của Bùi-Văn-Lăng trang 25-31.

Vết tích thành Đại-la

(Tiếp theo trang 7)

đều mừng, đại-sá thiên-hạ. Rồi thăng Cao-Biền làm kiêm hiệu hình-bộ thượng-thư, vẫn giữ chức ở An-nam, gọi đô-hộ-phủ là Tĩnh hải quân, cho Cao Biền làm chức tiết độ, kiêm chức chiêu thảo sứ các đạo hành doanh ». (7)

Sách *An-nam kỷ-yếu* chép lại trong bộ *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (quyển 5, tờ 10 b) nói rằng: « Cao-Biền đắp thành Đại la năm bính tuất 866, định sở bờ cõi, trấn thủ và công thuế, người trong châu kính sợ, gọi là Cao vương ».

(*Còn nữa*)

Ứng Hòe **Nguyễn-văn-Tố**

1) J. Y. Claeys, La tour de Binh-son à Vinh-Yên, đăng trong Bulletin de l'Ecole Française d'Extrême-Orient, quyển XXXIII, năm 1933 trang 1108-1109.

2) Bulletin de l'Ecole Française d'Extrême-Orient, quyển XXXVII, năm 1937, tờ tranh 9.

3) Pinault, Contribution à une monographie de l'Ile aux Buissons (Hongay), đăng trong Bulletin de l'Ecole Française d'Extrême-Orient, quyển XXXI, năm 1931, trang 213-220.

4) Lý-Giới, người ở Quản-thành đời Tống, tên tự là Minh-trọng. Làm quan đến thông-trực-lang (năm 1100). Giỏi về viết chữ triện-tựu (đại-triện), vẽ khéo, trong nhà có đủ vài vạn quyển sách, tay sao vài mươi quyển, phụng sắc soạn bộ Doanh-tạo pháp-thức, lại có chép bộ Tục Sơn-hải kinh. Cổ-triện thuyết-văn, Tục đồng-tinh danh-lục, Tỷ-bà lục, Mã-kinh, Lục-bác kinh (dịch theo Trung-quốc nhân-danh đại từ điển, trang 410). Về quyển Doanh tạo pháp-thức, trong Bulletin des l'Ecole Française d'Extrême-Orient, quyển XXV, năm 1925, trang 213-264 có một bài của ông P. Demiéville nói rõ làm, đề là Che-yin Song Li Ming-tchong Ying tsao fa che, "Edition photolithographique de la Méthode d'architecture de Li Ming-tchong des Song".

5) An-nam chí lược của Lê-Tắc (quyển 9, tờ 3 a) chép: Trương-bá-Nghi làm An-nam kinh-lược-sứ về đời Đường, bắt dân đắp thành Đại-la. Như thế thì chữ "Đại-la" có ngay từ lúc đầu. Tuy vậy, xem các sách, chưa biết thành của Trương-bá-Nghi cao rộng bao nhiêu; vậy thì đến đời Cao-Biền mới gọi là Đại-la thì phải hơn: kỳ sau sẽ nói rõ thành Cao-Biền cao rộng là bao nhiêu.

6) Tân Đường thư, quyển 224, hạ, tờ 2 b. trong Nhị-thập-tứ-sử.

7) Những sách sau này cũng chép truyện Cao-Biền: An-nam chí lược, quyển 9 tờ 6q An-nam chí nguyên (Ngan-nan tche yuan, bản in của Trường Bác-cổ, quyển hạ trang 161-162; Đại-Việt sử-ký toàn-thư quyển 5 tờ 12 b; Khâm-định Việt-sử thông giám cương-mục, quyển 5, tờ 6b; Nam-sử tập-biên, quyển 1, tờ 34 a (bản sao của Trường Bác-cổ, số a 12).

TRA NGHĨA CHỮ NHO

Số 27

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

Từ-nguyên nói cái như-ý là « tên một đồ-vật xuất-hiện từ nước Ấn-độ, tiếng phạm gọi là a-na-luật, chuôi cầm làm hình ngón tay để tỏ ý tay không với đến, dùng để gãi có thể được như ý. Lại có thứ chuôi làm hình chữ tâm là lòng, đều chế bằng xương, xừng, tre, gỗ, ngọc, đá, đồng, sắt, v.v., dài độ ba thước tàu. Thầy tang giảng kinh thường cầm, chép chữ ở trên, để phòng khi quên sót. Tượng bồ-tát cũng cầm thứ ấy. Xét ra nước Tàu đời xưa cũng có cái tảo-trượng để gãi ngứa đàng sau lưng, lại chép chữ ở mặt tước để nhớ việc làm... Duy cái như-ý gần đây dài độ một hai thước tàu, chuôi phần nhiều làm hình cỏ chi và hình mây : thế là chỉ vì cái tên nó tốt lành, cho nên dùng làm đồ chơi.. »

Tự-điển Khang-hy cho « chi là cỏ điềm tốt, uống được hóa ra thần tiên. *Bản-thảo* chép chi có sáu màu : xanh, đỏ, vàng, trắng, đen, tía. *Thuy-ứng-đồ* chép : đứng vương-gia kính thờ bậc kỳ-lão, không lỗi phép tắc đời xưa, thì cỏ chi mọc. » *Từ-nguyên* gọi « chi là loài nấm ».

Những cái như-ý bằng ngọc của viện bảo-tàng Trường Bác-cổ đều làm hình nấm chi. Ngày xưa người Tàu dùng để tặng nhau và chúc nhau sống lâu như-ý. Một quyển sách Tàu chép chuyện tiên, có kể một người, sau khi ăn nấm chi, sống trẻ lại : một người đạo-sĩ bảo ăn ta rồi sống lâu bằng con rùa hay con hạc : « thọ đẳng qui hạc ».

Về thế-kỷ thứ hai trước Thiên-chúa, một người Tàu tên là Lưu-An nói rằng : con rùa sống ba nghìn năm và con hạc sống một nghìn năm. Vì tin như thế, nên ngày xưa người Tàu khắc vào đồng tiền một câu : « Qui hạc tề thọ », để chúc cho người ta « tuổi thọ ngang với tuổi rùa hay hạc » (bốn chữ ấy còn chép trong *Kim thạch sách*).

Ở nơi đình chùa có những đèn nến làm hình con hạc, hai chân đứng trên mai con rùa, mỏ ngậm nấm chi (ở bên ta thì làm không hình nấm). Trong quyển *Numismatique annamite*, là quyển Việt-Nam cổ-tiền-học của ông D. Lacroix, có tờ tranh số 394 - 396 chụp ảnh hai đồng tiền chạm hai bên hai con hạc đứng trên con rùa, dưới chân có cái lư-hương, ý cầu nguyện cho người được trường thọ.

Có khi con hạc lại vẽ, chạm hay thêu với cây thông (tùng), vì cây thông, lá xanh mãi mãi, là biểu-hiệu trường-sinh vĩnh-tồn, cho nên có câu « tùng hạc trường xuân » để chúc cho người ta sống lâu như tuổi thọ con hạc, trẻ mãi như cây tùng mùa xuân. Ở bên Tàu, có lối chấm con hạc với con hươu ; ở bên ta, thì dùng cây thông với con hươu gọi là « tùng lộc ».

Có cái biểu-hiệu nữa là quả đào. Không rõ tại sao, nhưng có lẽ tại màu đỏ là cái biểu-hiệu sự vui mừng, và quả đào ăn lại ngon, cho nên chọn để chúc một việc sung-sướng nhất là tuổi thọ. Vả lại có chuyện bà Tây-vương-mẫu có cây đào tiên, cứ một nghìn năm quả mới chín, ai được ăn thì thọ đời đời : nên mới lấy quả đào làm biểu-hiệu tuổi thọ. Một quyển sách nói về tôn-giáo Tàu (J. J. M. De Groot, *The religious system of China*, quyển I, trang 55) có in một cái châm cài đầu, đeo quả đào, con hươu, con hạc, con rùa, bốn cái đều biểu-hiệu sự trường thọ.

Lại còn cái biểu-hiệu nữa theo lối đồng âm dị nghĩ (calembour) : như chữ miêu là mèo, quan-thoại

MÙA THI ĐÃ TỚI

* *bạn nào có con em đi thi SƠ-HỌC YẾU-LƯỢC thì dùng quyển :*

Tập bài thi bằng Sơ-học yếu-lược

hai ông Dương-quảng-Hàm và Dương-tụ-Quán in lại lần thứ 8 — Giá 0$75 — Cước 0$20.

CERTIFICAT

* *thì dùng quyển :*

Cent Rédactions corrigées

hai ông Trần-huy-Cơ và Nguyễn huy-Hoàng, in lại lần thứ 2 — Giá 0$85 — Cước 0$20.

Recueil de Dictées

Dương-q-Hàm, in lần thứ 3, giá 1$20, cước 0$30.

Để cho hiệu sách ĐÔNG TÂY,

195 Hàng Bông — HANOI

đọc đồng âm với chữ mạo là chín-mươi tuổi ; kinh Lễ nói mạo là tám, chín mươi ; *Thích danh* cắt nghĩa là bảy-mươi. Lại như chữ điệp là bướm, quan-thoại đọc là « tie » đồng-âm với chữ điệt (tie) là tám-mươi tuổi (theo *Thiết-vân)* hay bảy-mươi tuổi (theo *Tả truyện)*. Như thế thì hễ tặng bức tranh con bướm hay con mèo, là có ý cầu cho người ta được 80, 90 tuổi. Về loài cây, hễ tặng nhau củ thủy-tiên, (nghĩa là ông tiên dưới nước), tức là chúc cho người ta được sống lâu.

Vừa sống lâu vừa sung sướng, thì có chữ « phúc thọ song toàn » nghĩa là chúc cho sống lâu sung-sướng đủ cả, — chữ « tràng mệnh phú qúy », nghĩa là chúc cho người bản mệnh được sống lâu và giàu sang, — chữ « thọ tỉ Nam-sơn, phúc như Đông-hải», nghĩa là chúc cho người sống lâu như núi Nam sơn, phúc rộng như bể Đông-hải. Cũng có khi gồm cả hai câu, chỉ viết chốn chữ « thọ sơn phúc hải », nghĩa là chúc nhau được sống lâu như núi, phúc to như bể (lược dịch cuốn Ed. Chavannes, *De l'expression des vœux dans l'art populaire chinois)*.

(Còn nữa)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Người Nam cần phải viết đúng tiếng nam

(Tiếp theo trang 2)

ta thì là sang trọng và thanh-lịch, vân vân.

Nhân-tình 人情 nghĩa chữ nho là tâm tình của người đời. Khi bị việt-hóa thì lại có nghĩa là nhân-ngãi, là người yêu.

Gặp những tiếng ấy, ta nên coi chúng cùng một trường hợp với loại chữ nho này trong tiếng Nhật :

Đại trượng-phu, nguyên nghĩa chữ hán là bậc *đại tài trai*, hoặc bậc *trượng phu kềnh*, biến sang nghĩa tiếng nhật thì là *vững-vàng, chắc-chắn* hoặc *thong-thả chán*.

Trạch sơn, nguyên nghĩa chữ hán là *chầm* và *núi*, biến sang tiếng nhật thì nghĩa lại khác hẳn : *nhiều đầy-đủ*.

Vân vân.

***

Đành rằng, công-việc ngày nay, một mặt ta phải làm giàu cho việt-ngữ, nhưng một mặt cũng cần phải đính-chính những tiếng sai-lầm hoặc không thích-đáng. Như vậy tiếng nam sau này mới có hi-vọng phong-phú và thuần-tuý được.

HOA-BẰNG

GIỚI THIỆU

Đầu năm 1943, kho sách quốc văn lại mới thêm được một thi phẩm : « **ĐẦY VƠI** » của Đại Đức Tuân tức Tchya, do nhà «MỚI» ở Phố Kiến, Hanoi, xuất bản, giấy dó lụa, in hai màu mực, trình bày tất mỹ quan. Suốt tập thơ không châm câu, không đề số trang, khiến người phảng phất cái phong vị « rung đùi ngâm thơ » thủa trước.

BẮP THỊT TRƯỚC DÃ của Jean Tươi, Saigon. Tác giả phỏng theo y học phương Tây mà chỉ dẫn phương pháp luyện tập, có nhiều hình vẽ làm kiểu mẫu. Theo lời tựa của Bác sĩ Hồ Tá Khanh ở đầu sách thì cuốn B.T.T.Đ. này « đáng liệt vào những sách giáo khoa ».

HƯ-VÔ của Phan Khắc Khoan, dịch thơ Ba tư của Omar Khayyam. Thi tài của dịch giả, chắc các bạn đã từng biết rõ trong những tập TRẦN CAN, LÝ CHIÊU HOÀNG và XA XA. Nay tôi xin dẫn một bài dịch trong **HƯ-VÔ** để các bạn thử thưởng thức :

Xuân về tươi thắm mùa trong hoa,
Ta đến vườn uyên, bỗng tự xa
Thiếu nữ khuyên mời nâng chén ngọc,
Làm ta quên hết cả đời ta.

Thơ dịch mà được như thế, kể cũng đã thanh-thoát nhẹ-nhàng.

H. B.

ĐÃ CÓ BÁN : **ĐÀO-DUY-ANH**

*

TRUNG HOA SỬ CƯƠNG

(Từ đời Thái-cổ đến ngày nay, quyển sách đầu tiên viết bằng quốc-văn về lịch-sử Trung-hoa là nước văn-minh xưa nhất Á-đông và đã làm thầy văn hóa cho nước ta trong gần hai mươi thế kỷ).

Giá bán : 8$00

VĂN-HÓA
29, Maréchal Pétain — Huế

Đón coi T. T. số 87 :

Đọc « Triết-học Nietzsche » của Nguyễn Đình Thi.

TRỊNH NHƯ NGHỆ viết

Lịch sử thuốc lá.

LÊ VĂN NGÔN viết

T. T. số 88 :

Vài cảm-tưởng sau khi đọc cuốn « Bịnh ho lao » của bác sĩ Lê văn Ngôn.

PHẠM MẠNH PHAN v

Nói chuyện triết lý.

của NGUYỄN ĐÌNH TH

TÒA NHÀ TRƯNG BÀY CỦA TRƯỜNG BAC-CỔ VIỄN-ĐÔNG Ở HỘI-CHỢ SAIGON NĂM 1942 43

Biệt-lam TRẦN HUY-BÁ

(Tiếp theo và hết)

ĐÂY đi qua cửa giữa phía sau, ta nhận thấy trên tường có hai bức chạm bằng gỗ: điều khắc theo lối khmer, và bốn pho tượng đá đặt trên bệ cao; cũng là mỹ thuật khmer cả. Đi quá về phía tường tay trái, thấy một bức địa-đồ toàn xứ Nam-kỳ; trên bản-đồ ấy, chỉ rõ các vết tích lâu-đài, chùa-tháp của người khmer xây dựng, bây giờ ở vào phần đất xứ Nam-kỳ; thực là một tài liệu rất nên chú-ý. Chung quanh bản đồ ấy có những tranh ảnh các chùa tháp đã ghi tên ở trong bản đồ vừa nói trên, khiến ta nhận xét được những nơi nào còn nguyên vẹn, những nơi nào đã bị hủy-hoại từ lâu.

Bây giờ mời các bạn đi về phía hồi nhà bên tay trái, ta lại nhận thấy một tòa bệ tháp Bình-sơn, ở tỉnh Vĩnh-yên, rập theo hình bằng thức, đồ-sộ từ đất tới trần nhà. Những gờ chỉ và những nét chạm trổ thực là rườm-rà tỉ-mỉ. Những đợt tòa sen, lá sấp, lá ngửa, những vòng tròn có rồng cuốn khúc, những sư-tử hí cầu, những đường [illegible]i lật sấp, những con-sơn chồng [illegible]u trạc ba, coi thật mỹ lệ công-[illegible]u, với mầu gạch non rêu phủ. [illegible]i với mỹ thuật Đại la, ta nhận [illegible]ấy tháp này cũng tương tự vậy. [illegible]ỹ thuật ấy theo lối Lý Minh Tông đời Đường, ngang vào đời Lý (Thế-kỷ thứ X — XI) bên ta.

Hai bên tường có bức hình phóng đại một cảnh gác chuông ở chùa Keo (Nam-định) và cảnh chùa Tây phương ở Hà-đông.

Phía tường bên phải có một bức chạm nổi lồng trong khung gỗ: những vị phật ngồi trên tòa sen, cùng các cây cối, đền đài, ở một cây cửu-phẩm, của chùa Bút-tháp (Bắc-ninh). Ngay dưới khung ấy, ta nhận thấy cây cửu-phẩm, vẽ nhỏ lại, rất là cồng phu với màu-sắc sơn son thiếp vàng đỏ chói. Thực là một bức họa rất tự-nhiên.

Chung quanh đó, ta còn thấy ảnh các chùa, như chùa Cói, chùa Keo, chùa Phật-tích, chùa Láng (Hanoi), Hoa-lư (Ninh-bình). Ảnh pho tượng vị sư Trạch-lâm cùng bày ở đó.

Đối diện bên kia tường, có một bức bích họa ở hang Thiên-khê tỉnh Tuyên-quang, vào thế kỷ thứ tám thứ 9. Tuy là Bản chép lại, mà ta cũng nhận thấy những nét vẽ rất mềm-mại, dáng-điệu rất uyển-chuyển. Thế mới biết hàng nghìn năm trước đã sản xuất những nhà họa-sĩ có tài.

Ở hai bên tranh ấy một bức bản đồ thành Thang-long từ thế-kỷ mười bảy đến thế-kỷ thứ mười tam; một bản-đồ thành Hà-nội từ thế kỷ thứ mười tám đến thế-kỷ thứ hai mươi. Coi hai bản đồ ấy, ta biết rằng thành Hà-nội, từ trước đến nay, đã sao đời vật đổi, không biết đến mấy hồi rồi!

Bên dưới những bản-đồ ấy bày các mảnh đất nung chạm gọt về mỹ-thuật đời Đại-la, ở vùng Quỉnh-ngựa, Hanoi, những con rồng uốn khúc, những tàu lá cúc uốn-eo rất mềm-mại, rườm rà, đều-đặn, mà tỉ-mỉ vô cùng. Tưởng những đồ ngà bây giờ cũng chưa sánh kịp!

Ra đến phía ngoài, ta thấy 4 cảnh chùa vẽ thành phông nhỏ, như ở các nhà hát, đó là cảnh Văn-miếu (ở Hà nội), cảnh chùa Thất-lương, (ở Luang-Prabang) cảnh tháp Mỹ-sơn (ở Quảng-nam) và cảnh Ban-teay Srei (ở Cao-mên). Bốn cảnh chùa ấy bày ra dưới những ánh đèn phản chiếu dịu-dàng. Ta tưởng-tượng như đương du-lãm tận nơi, được đứng trên một quả núi cao, lấy con mắt trông xa mà bao quát cả cảnh-trí ở mấy nơi danh thắng ấy.

Ở giữa dọc nhà, ta còn nhận thấy cột tháp Tứ-kỳ ở gần Văn-điển (Hà-đông) về đời Lê Cảnh-trị (1663-1671), một cảnh mả Mọi ở vùng Kontum với những hình người ngô-nghê và một cái mái nhà mồ cao vót với những màu đen đỏ vẽ ngoành-nghèo. Thật ta đã tưởng tượng như lạc vào một cánh đồng mồ, nơi rừng xanh, đất đỏ.

Bây giờ lại dạo gót quay ra ngăn ngoài. Về bên phía trái, hai bức địa đồ: một bức chỉ cho ta biết những nơi có các mả cổ về đời Hán, đời Đường, ở trong toàn hạt Bắc-kỳ và phía bắc Trung-kỳ. Một bức chỉ cho ta biết những nơi có các thứ trống đồng khác nhau ở vùng đông-nam châu Á; ba cái

trống đồng mỗi kiểu khác nhau, những bức họa rập trên mặt trống, những thuyền bè, nhà cửa, người đời cổ và các chim muông cùng những chum vại, trống, chiêng, lưỡi tên, búa đồng, gươm sắt, các thứ đào được ở các mả cổ như vùng Nghi-vệ (Bắc-ninh) và Đông-Sơn (Thanh-hóa). Bên trong lại còn một kiểu mả làm nhỏ lại, khiến ta xem đó biết biết được cách xây gạch cuốn và lối mả đời cổ vị-trí ngoách-ngoéo thế nào. Ở bên kia lại một mẫu nhà sàn tưởng-tượng của người đời cổ ở Đông-Sơn, dọc theo sông Mã với những thân cây chập lại dựng nên. Thực là phức tạp.

Giờ đến căn chót bên ngoài: nào những hang núi của người đời xưa, nào các đồ vật dụng như búa đá, niêu sành, tiền óc và đồ trang-sức bằng thủy tinh (?) Đó đều là những dấu-vết của người thượng-cổ, không biết từ mấy mươi ngàn năm còn lại. Nào là những chum đá to-tướng ở vùng Tránh-ninh những cột đá nhỏm-chởm ở vùng Húa-pan. Dấu xưa còn lại đó khiến người khôn ngăn mối cảm biền dàu!

Ở bên này tường, treo các đồ vật như là lá chắn, cung tên, đòng, giáo, trống chiêng, áo, quần, mặt nạ, đồ trang hoàng của các giống người Mọi ở vùng Koutum, Ban-mê-thuột.

Nói tóm lại là các đồ vật của những giống người còn mán mọi chưa được tấn-tới văn-minh. Ấy còn chưa kể tranh hàn đủ các giống người về vùng ấy nữa. Xem căn này, ta có cảm tưởng như sống chung với họ ở chốn rừng rậm non cao mà chưa biết đến cuộc tiến-hóa ở các nơi khác là gì gì cả!

Ay, đại-đề cách xếp đặt cuộc trưng bày của trường Bác-cổ ở Hội-chợ Sài-gòn là thế. Tôi tiện dịp được qua xem xét, xin thò thiển trình bày. Có chỗ nào còn thiếu sót, mong các bực cao-minh đính chính lại cho, để công hiến các bạn đọc Tri-Tân nhàn lãm.

Một số sau, tôi sẽ lại có bài nói về « Tòa nhà trưng-bầy về Lịch-sử » ở Hội-chợ Saigon. (HẾT)

Saigon Janvier 1943

Biệt-lam TRẦN-HUY-BÁ

Giai-thoại trong làng văn

Sự đề phòng của một nhà xuất bản..

Buloz, người sáng-lập ra tạp-chí « hai thế-giới » (Revue des deux mondes), một buổi chiều, mời các bạn và nhân viên trong Tòa soạn một bữa tiệc ở nhà mình. Trong cuộc hội-họp có cả văn-sĩ Cherbuliez, tác-giả một cuốn tiểu-thuyết đang đăng dở trong tạp-chí.

Trong bữa ăn, họ mang ra một món nấm hương. Bọn khách có mấy người hỏi đùa:

— Chúng tôi xin hỏi ông chủ cho biết có thể chắc chắn là nấm ăn không độc đấy chứ?

Buloz mỉm cười, nhún vai trả lời:

— Xin bảo-hiểm. Mời các ngài cứ tự-nhiên cất chén cho.

Chợt một ý-nghĩ chạy qua óc, Buloz, ngập-ngừng một giây, rồi hoảng-hốt giơ thẳng tay trỏ vào mặt một khách ăn, quát to:

— Cherbuliez, tôi xin bạn dừng ăn vội, vì... thiên tiểu-thuyết dài của bạn chưa viết xong.

> **Thống chế Pétain đã nói:**
>
> *Làm cách mệnh, chẳng phải chỉ việc định do đạo luật, thảo ra sắc lệnh. Cách mệnh mà thành công, là khi cả nước hiểu nó, với nó; là khi cả dân đi theo chánh-phủ trên con đường canh-tân.*

...và sự làm việc của một văn nhân

Paul Bourget đến nghỉ mát vài ngày trong biệt-thự của người bạn là bá-tước d'Haussonville, trên bờ hồ Genève.

Sau hôm văn-sĩ đến, ông chủ nhà sang gõ cửa bên căn phòng để riêng cho bạn vào lúc 10 giờ sang; bước vào thấy bạn còn ngủ lan trên giường, ông danh thức dậy và chế-nhạo.

Nhà tiểu-thuyết trả lời:

— Bác trách tôi lười là rất nhầm; có lẽ tôi không lười đâu, tôi làm việc đấy chứ. Tôi có thói quen cứ nằm trên giường mới nghĩ văn được; tôi soạn tác-phẩm ở trong trí để rồi sẽ viết lại trên mặt bàn.

Bá-tước d'Haussonville mỉm cười lễ phép cúi đầu chào và đi ra, kính trọng sự « làm việc » của ông bạn.

Hai ngày sau, Bá-tước lại sang đập cửa hồi 11 giờ hơn, Bourget vẫn còn đang giấc-điệp. Bá-tước giọng hốt hoảng:

— Dậy! dậy đi, bác! đừng làm việc quá sức thế! Không nên.

ĐAN-TÂM thuật

MỘT KỲ SAU:

Thanh-danh của Hàn-lâm viện Pháp

của NGUYỄN-ĐAN-TÂM

Từ thành thị đến thôn-quê

Công việc truyền-bá vệ-sinh với các làng-mạc ở Bắc-kỳ

(Tiếp được bài này, bản-chí xin vui lòng đăng nguyên-văn như dưới)

Từ ngày Ban Truyền-Bá Vệ-Sinh của Tổng-hội sinh-viên ra đời tới nay đã hơn một năm, công việc bước đầu còn nhiều điều khuyết-điểm, và tài-lực thiếu-thốn nên phạm-vi hoạt-động vẫn còn hẹp hỏi. Mà cái kết quả mong manh trong một năm làm việc mới chỉ là tiêu-biểu sự cố gắng của một đoàn thanh-niên muốn giúp ích đồng-bào. Đến như ảnh-hưởng về phần thực hiện, thì thực chưa được là bao, may ra mới nêu lên được một vấn-đề thiết-thực và quan-hệ; Phải tri-thức là phần-tử của sự truyền-bá và thực-hành những phương-pháp vệ-sinh trong nước. Phần thì nhờ sự tận-tâm của anh em giúp việc không nề hà khó khăn tìm vui thú trong sự làm việc không công, lấy tận-tụy thay tiền tài, lấy nghĩa cả làm chuẩn-đích, phần thì nhờ sự giúp đỡ của các bậc huynh-trưởng trong y-giới và sự khuyến-khích của nhiều bà con tri-thức trong nước, nên ban truyền-bá vệ-sinh cũng được thêm bạn yêu mến và cổ võ.

Hơn thế nữa, Ban Truyền-bá Vệ-sinh trước hết được trường Y-khoa Đại-học Hanoi săn-sóc tận lực. Đó cũng là nhờ tấm lòng sốt-sắng và đại-lượng của ông Hiệu-trưởng, giáo-sư Galliard. Sau khi hiểu rõ cái mục-đích và cách hành-động của ban, ông không ngần-ngại ủng hộ đầu và ngày 10 Juillet 1942 ông đã chứng thực sự đỡ đầu trong lá thư số 502-C biên cho chúng tôi, đại-để như sau này:

Tôi rất lấy làm ngợi khen công việc của các ông, và tôi tin rằng các ông sẽ thành-công, nhưng tôi khuyên các ông rất nên dè-dặt, khôn khéo, phải đắn-đo trước khi muốn bước thêm một bước.' Các ông nên luôn luôn hợp-tác với các nhà chức-trách.

Tôi tin rằng các ông bao giờ cũng rất thận trọng trong việc làm. Vì vậy tôi rất vui lòng để trường Y-khoa Đại-học đứng đỡ đầu cho Ban Truyền-bá Vệ-sinh.....»

Lại vừa đây, sau khi ông Thống sứ Haelewyn nghe bài diễn thuyết chúng tôi tổ chức giúp hội Bảo trợ Phụ-nữ và Nhi-đồng Việt-Nam và dự cuộc trưng bầy tranh ảnh về vệ-sinh, ông rất tán thành công việc có tính cách xã hội này và ông rất vui lòng giúp đỡ. Vì vậy theo lời yêu cầu của chúng tôi, trong lá thư ngày 18 Janvier 1943 số 1.022-A/3, ông đã cho phép chúng tôi tổ-chức tại các làng trong địa hạt Bắc-kỳ:

1) Những ban-khám bệnh và khuyên bảo về vệ sinh không mất tiền.

2) Những cuộc nói chuyện và chưng bầy tranh ảnh về vệ-sinh.

Từ trước đến giờ chúng tôi chỉ mới được phép làm tại làng Tương-mai. Nay phạm-vi hoạt động được rộng thêm. Thật là nhờ đại lượng của ông Thống sứ Haelewyn chúng tôi lấy làm cảm phục và hoan hỷ. Thêm một tuổi, chúng tôi đã bước được thêm một bước.

Song nếu đó là, một tin mừng thì đó lại là một mối lo. Lo vì tài lực thiếu thốn, mà công việc làm thì mông-mênh bát-ngát.

Sự kinh-nghiệm tại làng Tương mai đã cho chúng tôi một bài học thực hành, và chúng tôi đã nhận rằng:

Một mình chúng tôi đảm nhận lấy cả công việc không thể được phải là công việc hợp tác của hương chức và dân làng với chúng tôi cả phần lý tài lẫn phần tổ chức. Chúng tôi sẽ tận tâm tận lực đem truyền bá và thực hành những phương-pháp vệ sinh bằng những ban khám bệnh, diễn thuyết, song làng phải chịu trách nhiệm về tiền tài, và cùng với chúng tôi tổ chức cho hoàn hảo. Có như vậy công cuộc mới lâu dài bền vững và mới có hiệu quả thực hiện cho dân. Mà đó là nhờ sự nhiệt tâm của các đàn anh trong làng.

Chúng tôi rất mong rằng những làng nào cộng qũy đồi dào lại có các bậc hương chức sốt sắng về vấn đề vệ sinh trong làng và muốn cộng tác với chúng tôi trong công việc này cho chúng tôi biết ý kiến, để có thể lập một chương trình hành động rõ ràng. Chúng tôi định khởi công dịp nghỉ hè này.

Ngoài ra chúng tôi lại rất mong có các nhà hằng-tâm hằng-sản và sốt-sắng về việc hương xã, hăng hái giúp đỡ dân quê để cùng chúng tôi đặt hòn đá đầu tiên trong việc truyền bá vệ sinh và y học tại thôn quê.

Chúng tôi xin đợi với một tấm lòng chân thành.

Ban Truyền-Bá Vệ-Sinh và Y-Học của Tổng Hội sinh-viên trường Đại-Học Hanoi.

ORCHIES,

THÀNH PHỐ ĐƯỢC TỈNH HÀ-NỘI ĐỠ ĐẦU

Trong những thành phố bị nạn Pháp, thành-phố Hanoi đã chọn để đỡ đầu tỉnh ORCHIES, một tổng-lỵ thuộc quận phía bắc nước Pháp. Thành-phố Hanoi ta đã tự đảm-nhận lấy trách-nhiệm ấy. Vậy ta phải tùy theo hạn độ những phương-pháp có thể làm được mà tham dự một cách có hiệu quả để tu sửa lại thành-phố ORCHIES rủi-ro bị chiến-tranh tàn phá.

ORCHIES ở gần giữa khoảng hai tỉnh Lille và Dousi. Là một thành phố kỹ-nghệ, ước có một vạn dân, ở đấy có xưởng làm đường, thuộc da, dệt bông sợi, chế sà-phòng, v... v...

ORCHIES lại còn là một thành phố cổ mà xưa các bá-tước hạt Flandres đã đến an-cư bao nhiêu lâu. Thời Trung-cổ, ORCHIES có một thành-lũy để chống chọi lại những trận sâm-lược sẩy ra luôn trong thời ấy. Đã biết chắc chắn lòng trung-thành của ORCHIES có thể tự sử và nếu cần ra, có thể tự chống chọi với sự sâm lấn chó nên năm 1188 các bá-tước đã ban cấp cho tỉnh ấy một hiến-chương thị-xã. Từ đấy, và bất cứ trường hợp nào, ORCHIES cũng tỏ ra sứng đáng với đặc ân này. ORCHIES không phải là một tỉnh mà quá khứ mờ tối và sự hoạt động kém cỏi gì. Thật thế, tuy ORCHIES là một tỉnh chất phác, nhưng xét qua quá khứ thì thật đáng kiêu-hãnh, không hổ danh.

ORCHIES đã bị tàn-phá nhiều về chiến-tranh, 258 nhà cửa bị đổ hẳn, 239 nhà tổn hại rất nhiều. Dân cư đã phải chạy trốn trước sự sâm-lấn, và ly-tán trong bao nhiêu tháng trời.

Thành phố Hanoi không dám tự-phụ một mình đảm-nhận lấy cả trách-nhiệm sửa chữa hết những sự thiệt hại và hàn gắn tất cả các vết thương đau. Nhưng thành phố muốn tham dự một cách có hiệu quả về sự phục-hưng của thành phố ORCHIES.

Vừa mới thành lập một bản Hội-đồng để thảo và thi-hành một chương trình hành động có thể thu được thật nhiều tài nguyên giúp cho thành phố ORCHIES. Quan Thủy-sư Đô-đốc Thượng-sứ Pháp ở Thái-bình-dương và DECOUX phu-nhân rất giàu lòng từ-thiện, muốn tỏ sự chú-ý của các ngài trong việc này, nên đã nhận bảo-trợ công việc ấy. Bà Phó Toàn-quyền Georges GAUTIER cũng vậy, đã nhận chủ tịch ban hội-đồng; như vậy tỏ ra là bà rất quyến-luyến thành-phố Hanoi và có lòng trắc ẩn với ORCHIES. Các bà GUINIEC, BARTH HỒ-ĐẮC-ĐIỀM cũng đã nhận chức phó chủ-tịch ban hội-đồng; trong ban ấy có nhiều nhà từ-thiện Pháp-Nam.

Trong một kỳ họp vừa rồi, ban hội-đồng đã phác-định một chương trình. Đại cương chương-trình ấy, ngoài sự lạc-quyên sẽ có một dạ-hội định vào ngày 20 Mars tại nhà Hát Tây, có Quan Toàn-quyền và DECOUX phu-nhân chủ-tịch và một tuần lễ ORCHIES (Semaine d'ORCHIES). Trong một số sau sẽ nói rõ chương trình buổi dạ hội 20 Mars và một vài điều ấn-định rõ ràng về những phần khác của chương-trình hành động.

Hiện ngay bây giờ, ban Hội-đồng mong mọi người tỏ lòng trắc ẩn và nhân từ đối với thành phố ORCHIES. Tin vào sự hảo tâm rất lớn của dân Hà-thành, Ban Hội-đồng chắc rằng số tiền thu được sẽ rồi rào để tỏ ra sự liên lạc của hai thành phố HANOI và ORCHIES.

THÔNG CÁO

Muốn làm giàu mua vé số

Dông Phap

1p.00 một vé

Đã có bán :

BA MƯƠI NĂM VĂN HỌC

của MỘC-KHUÊ giá 1 $ 35

Hay là cuộc tiến-hoa văn-học nước nhà trong vòng ba mươi năm nay

Còn một ít.

LUẬN-TÙNG (1 $ 50) TRIẾT-HỌC EINSTEIN (2$30) TRIẾT HỌC NIETZSCHE (1 $ 95) TRIẾT HỌC KANT (1 $ 50)

Nhà xuất bản TÂN VIỆT đã dọn lại

29, LAMBLOT — HANOI

TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ

ĐÊM HỘI LONG TRÌ

Số 9

NGUYỄN HUY TƯỞNG

THỊ nữ dạ dạ. Một lúc đỉnh trầm ngào ngạt hương thơm, đã đặt trên long kỷ. Thấy khói bốc lên hoa huệ, sợ phạm đến hoa, chúa sẽ xê lọ sứ giang tây sang một bên Tuyên-phi ngồi trên chiếc thảm gấm, dưới chân chúa Tĩnh đô, mỗi tay cầm một chiếc búa ngà nho nhỏ, cổ tay trá, bật nổi một chiếc vòng ngọc thạch, màu xanh nhạt. Vòng ngọc thạch không phải là vật vô tri nữa. Nó cũng có một linh-hồn, và một sức quyến rũ. Chúa đăm đăm nhìn vòng ngọc, ước ao được như nó luôn luôn quấn lấy cổ tay tuyệt mỹ. Giây đương, so, chúa tưởng như đàn đã thành. Chợt khúc đàn dìu dặt tấu lên, hồn chúa trước còn lội trong bến, sau phiêu-nhiên bơi ra giữa giòng sông, thân đàm trong nhạc.

Tiếng đàn vừa dứt, Tuyên-phi, lúc ấy có một vẻ đẹp nhu-mì. Chúa ái-ngại, hối hận rằng mình đã không chiều lòng người ngọc.

Vừa lúc ấy, có tiếng trẻ êm đềm hỏi ở ngoài cửa nhà Bội lan :

— Phụ vương đâu ?

Tĩnh đô nhận ngay ra tiếng nói của Thế tử Trịnh Cán. Thế tử lấp ló ngoài thềm với người bảo mẫu. Chúa nói :

— Con ta sao không vào ?

Tuyên phi thưa :

— Con còn đợi lệnh.

— Sao ái khanh cứ vẽ ra, bố con còn giữ lễ thế thì mất cả tình thân.

— Tâu chúa thượng, trị nước phải mất đầu nghiêm từ chốn khuê phòng.

— Ái khanh khắc nghiệt hơn ta.

Thế tử đã chạy vào. Đó là đứa bé độ lên bốn, lên năm, mặt rất sáng, trông có vẻ thông minh, dĩnh ngộ. Thế tử tới trước Đĩnh đô, quỳ xuống tung hô : « Thiên tuế ! »

Chúa cười vui vẻ, ôm lấy đứa bé. Tuyên phi đứng sau lưng chúa, tựa vào tay ghế, đăm đăm nhìn chồng và con. Chúa bỗng quay lại nhìn nàng, vừa cười vừa nói :

— Từ lúc để thằng Cán, ta mới đỡ lo cho cơ nghiệp chúa. Tông không kham được việc lớn.

Tuyên phi quỳ xuống tâu :

— Thiếp chân thành mong nghiệp chúa vững muôn thu.

Chiều hôm ấy. Chúa, Tuyên phi và Thế tử cùng ngự thiện. Sáng hôm sau, chúa ra phủ, canh-cánh bên lòng vì câu chuyện Quỳnh Hoa. Chúa rất yêu nàng săn sóc từng li từng tí, nâng như nâng trứng, hứng như hứng hoa. Chúa vẫn để tâm kén rể. Triều đình, phủ bên, thiếu gì người tài giỏi, vậy mà chúa vẫn không ưng một đám nào. Ít lâu nay chúa để ý đến chàng Bảo-Kim. Chàng không những là con nhà vọng tộc, lại là một người tài mạo song toàn. Ý chúa muốn khuyến khích văn chương, đem lại cho nước Nam một thời đại rực rỡ như Hán, Đường. Vì thế chúa rất trọng bậc văn tài. Bài phú Long trì của Bảo-Kim, chúa không hết nhời khen ngợi. Đến sau xem bài Hoa đình ký của chàng, văn chương tao nhã ý tứ hào hùng, chúa lại càng thán phục.

Chưa nói ra, nhưng Ngài đã có ý gả Quỳnh Hoa cho chàng. Vả lại, xem ý, chúa đã biết con gái có chút tình thầm kín đối với con quan cổ Thị-lang họ Nguyễn.

Trong Trạch các, công văn bộn bề, nào sớ nào khải, nào biểu, nào ân từ, tuy lòng rối như canh hẹ, mà chúa cũng phải xem xét, chấu phê cho xong. Không bao giờ việc nước lại nhiều như thời chúa Trịnh Sâm.

Chiều hôm ấy, về Bội lan thất, chúa vẫn thấy lòng bối rối. Phần thì nể Tuyên phi, phần thì thương con, không nhẽ ngài lại gả con gái yêu cho một tên vô lại. Con một vị chúa lẽ trong nước lại có sắc tài, thiếu chi người rấp cung bắn sẻ ?...

Nhưng khi xe đỗ trước cung Tuyên phi, ngài lại thay đổi ý định. Ngài không nỡ làm phật ý người tuyệt sắc đã cho ngài những phút đầm ấm mơ say nhất đời. Luôn ba ngày, chúa Tĩnh-đô ở trong một tình trạng vô cùng khó xử.

Ngày thứ tư, chúa thất kinh được tin nàng ốm. Chúa giậm chân nghĩ :

— Chỉ lại ta thôi, Người ngọc ấy mà có mệnh hệ nào thì ta sống làm sao được ! Nàng hay lo nghĩ, hơi một tí thì se mình. Con gái thì đặt đâu phải ngồi đấy, tùy giời, tính làm sao cho hết được ?

Chúa vén rèm bước vào Bội lan thất. Tuyên phi tung chăn vùng dậy. Chúa lật đật chạy lại, đỡ nàng nằm xuống :

— Ái khanh se mình, không cần phải giữ lễ.

Nàng nằm xuống, se sẽ tâu :

— Thiếp tội thực đáng chết !

Mặt đỏ bừng và môi đỏ thắm, mái tóc bơ phờ, trôi trên gối đệm, hòa với dáng mỏi mệt, càng làm tăng vẻ khuynh thành.

Chúa thân hành đi đóng những cửa sổ trong phòng, kê một chiếc ghế bên giường, tay sờ trán người yêu, âu-yếm hỏi :

— Ái khanh phải cảm từ bao giờ ?

— Tâu chúa thượng, cảm đội với tiện thiếp như cơm bữa, mai lại khỏi, tiện thiếp không dám để chúa thượng bận lòng. Chúa thượng đã bận việc nước nhiều rồi, Tiện thiếp không làm sao cả.

Hay vì việc Quỳnh-hoa ?

Nàng nhoẻn miệng cười, liếc mắt

nhìn chúa, một cái liếc xiên đình đồ quán.

— Tâu chúa thượng, có phải vì thế đâu ? Tiện thiếp biết phận mình, chẳng qua vì tiện thiếp thương em mà tâu với chúa thượng, chứ vẫn biết trước là sự không thành.

Chúa bất nhẫn, hỏi :

— Nhưng ta đã nói gì đâu ?

— Tâu chúa thượng, việc ấy ta bỏ đi. Làm cho chúa thượng phải khó nghĩ, tiện-thiếp tự biết là mang tội. Xin chúa thượng lượng xá cho tiện thiếp.

Chúa rung chiếc chuông đồng. Một tên nội giám bước vào, chúa truyền :

— Gọi ngự y.

Ngự y bốc thuốc. Chúa thân hành bưng thuốc cho nàng uống. Chiều hôm ấy, nàng sốt dữ, người nóng như lửa, trằn trọc mãi, mấy lần phải gọi đến ngự y. Mãi đến quá nửa đêm, nàng mới thiếp đi. Chợt nàng mê sảng ;

— Chúa thượng... khoan dung — Thôi . em đừng mơ tưởng hão .. chị cũng... khổ lắm... để chị đón cụ Lãn ông bốc thuốc cho em. Nhà có hai chị em, em làm sao thì chị cũng chết mất.

Bỗng nàng sấp mặt vào gối, thổn thức khóc. Chúa ái-ngại, ôm lấy nàng. Tuyên phi tỉnh dậy, mắt nàng còn đọng một hai hàng lệ. Chúa mỉm cười hỏi .

— Ái khanh có đỡ không ?

— Cám ơn chúa thượng, tiện thiếp thấy đỡ nhiều. Sao chúa thượng còn thức ?

— Ái khanh phiền muộn về việc Quỳnh hoa lắm, phải không ?

— Tâu chúa thượng, không.

— Có, ái khanh vừa nói mê.

— Tâu chúa thượng, có lẽ nào ? Trong lúc mê sảng, thiếp có nhời chi bất kính ?

— Người yếu thì hay mê sảng, ai luận tội người ốm bao giờ ! Nhưng có một điều ái khanh giấu ta, lại nói hở trong cơn mê. Ái khanh không phải bận tâm về việc ấy nữa ; Quỳnh hoa quận chúa ta sẽ gả cho Quốc cữu, cho hai họ thêm thân.

Tuyên phi trần tình, cố giấu nỗi mừng. Nàng tâu :

— Hôn nhân là việc nhơn, xin chúa thượng nghĩ chín cho, kẻo tiện thiếp mang tiếng. Chúa thương cho thì phúc cho nhà tiện thiếp, mà không cho, tiện thiếp cũng vui lòng. chúa thượng mới là quí, chị em tiện thiếp có kể làm gì ?

— Ý ta đã quyết. Con gái, cha mẹ đặt đâu phải ngồi đấy. Ta sẽ gây dựng cho quốc cữu, con ta tự khắc được sung sướng. Con ta vất vả hay an nhàn là ở ta chứ ở ai ? Nhưng ái khanh phải bao Quốc cữu nên tu tỉnh mới được.

— Tâu chúa thượng, tiện thiếp biết lấy gì báo đáp thánh ân ? Nhưng em tiện thiếp có làm chi mà phải tu tỉnh ? Có chăng chỉ lại thiên hạ thấy chúa thượng cho chị em tiện thiếp được nhuần ơn mưa móc, nên sinh lòng ghen ghét, đặt để nên điều, mong hãm hại người vô tội ; thói thường vẫn thế. Chị em tiện thiếp là dòng dõi nhà nho, đến thiếp là phận gái còn được học đòi lễ nghĩa, huống chi em trai thiếp là kẻ phải nối dõi tông đường ?

Ái khanh nên gìn vàng giữ ngọc. Thôi trẫm thu xếp thế là ổn thoa chứ ?

Nàng ngập ngừng rồi lại nói :

— Ơn trời bể của chúa thượng, kiếp sau thiếp nguyện đầu thai làm khuyển mã để báo đền. Chỉ nghĩ em tiện thiếp hiện nay nhiều người ghét. Mỗi khi đi đâu, thường có nhiều kẻ rình ám hại. Kẻ ghét nhất em tiện thiếp là Nguyễn Mại. Người này, thiếp nghe chúa thượng mới phong cho làm chức Hộ-thành.

— Nguyễn Mại là một người chính nhân quân tử, ái khanh không phải quan tâm.

Tâu chúa thượng, người ta đã không ưa nhau thì dễ sinh ra xát cọ. Nguyễn Mại làm Hộ thành, thì em tiện thiếp, tuy làm rể chúa thượng, cũng chẳng chắc được yên.

(Còn nữa)

Nguyễn-huy-Tưởng

HỘP THƯ

Ô BỬU CẨM, HUẾ. — Bài « B. C. T. K. » có giá trị đấy, nhưng tiếc vì đã thấy đăng ở **Tổng xã báo** *và tập* **Gió tết** *rồi. Vậy xin miễn đăng để khỏi trùng kiến. Muốn đăng T. T. xin ngài nhớ gửi bài mới.*

Văn - liệu Từ điển

Những thành-ngữ và từ ngữ của ta trong các thơ văn xếp đặt lại thành một pho từ điển, *rất tiện cho sự tra cứu trong khi đọc sách* và *nhất là cho các học-sinh học khoa quốc-văn trong các trường.*

của Long-Điền NGUYỄN VĂN MINH

Tựa của Cụ Đốc Ô.-Như NGUYỄN VĂN NGỌC

Sách khổ rộng **16 x 25** ngót 400 trang

Giá bán lẻ . . . . . 5$00

Vị nào gửi tiền đặt mua trước ngày 1er Mai 1943, xin biếu 10 % cước phí không phải chịu.

Những giáo-sư các trường công tư, đặt tiền mua trước từ 10 quyển trở lên xin biếu 20 % cước phí kh ông phải chịu.

Thư và ngân phiếu xin gửi và đề rõ:

Ô. Quảng-vạn-Thành

16, Phố Lê Lợi — HANOI

51, Doumer — HAIPHONG

RẺ! HAY! ĐẸP!

đó là 3 cái đặc-điểm các sách của thư-xã

Alexandre de Rhodes

Trong lúc những vật-liệu về ấn-loát đều đắt mà các sách của bản-xã lại bán rẻ là cốt ý để quốc-dân ai ai cũng có thể mua được.

—*—

Thư và mandat mua sách xin gửi về cho
Nhà in MAI-LINH — Hanoi
Tổng phát-hành

MỚI XUẤT BẢN

KIM-VÂN-KIỀU

Theo bản Pháp văn của ông **Nguyễn-văn-Vĩnh** *330 trang khổ 17×23 có nhiều tranh ảnh. Theo thời giá phải bán trên 4$00 mới có lãi mà*
Loại giấy thường bán có 2$00 (cước 0$54)
Loại đặc biệt 7$00 (cước 0$60)

Lược-khảo Việt-Ngữ

Một bài khảo cứu có giá trị của ông **Lê-văn-Nưu** *đã được giải thưởng của báo Patrie Annamite (ngót 100 trang). Loại thường bán có 0$50 (cước 0$32). Loại đặc biệt 4$00 (cước 0$47)*

SẮP XUẤT BẢN

Thơ Ngụ ngôn

La Fontaine

Pháp văn và bản dịch của ông NGUYỄN-VĂN-VĨNH. Mỗi bài đều có nhiều tranh ảnh của MẠNH-QUỲNH (150 trang) khổ to 17×23. Loại thường bán có 1$00 (cước 0$40). Loại đặc biệt bán có 5$00 (cước 0$54)

NHỮNG SÁCH CỦA

Lê-Thăng xuất bản

Imprimerie du Nord
133, Rue du Coton, Hanoi

1) Tiểu học Việt nam văn phạm giáo khoa thư Nguyễn-quang-Oánh, sách đã được ban kiểm sách duyệt y (1) 1p 25
2) *Việt nam văn phạm.* Trần-trọng-Kim 3p. 00
3) *Grammaire Annamite* Trần trọng-Kim 4p. 00
4) *Phật lục.* Trần-trọng-Kim, 0p. 80
5) *De Hanoi à la Courtine* Phạm-duy-Khiêm 1p. 50

ĐANG TÁI BẢN

Nho giáo, Trần trọng kim, 5 quyển. Sách in làm 2 loại, loại thường và loại đặc biệt, toàn bằng giấy dó. Loại đặc biệt in có hạn, độc giả nào muốn mua xin giữ trước.

1 Các giáo sư mua từ mười quyển trở lên có trừ 15 %.

NGÔ TẤT TỐ

THI VĂN BÌNH CHÚ

QUYỂN THỨ I : 1$20

QUYỂN THỨ II : 1$50

Đã xuất-bản trong « Tủ sách Tao-Đàn »

Một bộ sách văn học có giá trị họp tập được hết tất cả những bài văn thơ có giá trị từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX. Bình chú rất công phu. Sách in cực đẹp.

HÀN THUYÊN XUẤT BẢN

SẮP PHÁT HÀNH

I. Thanh Niên

VÀ

Thực Nghiệp

của Lê văn Siêu — Bàn về cách chọn nghề của thanh niên và cách hoạt động về thực nghiệp để đoạt được sự thành công

II. Nhân Loại Tiến Hóa Sử

của N. Bách Khoa — Khảo về cuộc tiến hóa đồ sộ của loại người từ thượng cổ đến hiện đại

ĐÃ XUẤT BẢN

THẰNG KÌNH

tiểu thuyết giáo dục của **Nguyễn-đức Quỳnh** *3$50*

NGUYỄN DU VÀ TRUYỆN KIỀU

của Nguyễn-bách-Khoa *3$50*

REVUE TRI-TÂN : Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général
Directeur : Nguyễn-Tường-Phượng Administrateur Gérant : Dương Tụ-Quán
Imp. Tri-Tân — 70, Bạch-Mai Hanoi